TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP ***VIGLACERA CORPORATION - JSC*** Số / *No* : 104 /TCT-CBTT "V/v: Báo cáo thường niên năm 2024 *Re: Report on Corporate Governance FY2024"*	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM* ***Independence - Freedom - Happiness*** Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025 *Hanoi, 10 March 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN / *INFORMATION DISCLOSURE*

Kính gửi/*To*:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
- *State Securities Commission*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Company name*: Tổng công ty Viglacera - CTCP/*Viglacera Corporation-JSC*
- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: VGC
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Tầng 16 & 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội/*16th & 17th Floor, Viglacera Tower, No 1 Thang Long Avenue, Me Tri, Nam Tu Liem, Hanoi*
- Điện thoại/*Tel*: 024.35536660 Fax/*Fax*: 024.35536671
- Người thực hiện công bố thông tin/*Person to disclose information*: Bà/*Mrs.* Trần Thị Minh Loan

Chức vụ/*Position*: Người được ủy quyền thực hiện Công bố thông tin/*Person authorised to disclose information*

Loại CBTT/*Disclosure type*: ☒ Định kỳ/*Periodic* ☐ Bất thường/*Extraordinary* ☐ 24h/*24h* ☐ Khác/*Others*

Công bố thông tin / *Information disclosure*:

Tổng công ty Viglacera - CTCP công bố: " Báo cáo Thường niên năm 2024".
Viglacera Corporation - JSC disclose: "Annual Report 2024".

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin này / *I hereby certify that the information disclosed above is correct and will bear the responsibility to the law for its content.*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty ngày 10/03/2025 tại đường dẫn / *This information has been published on the Corporation's website on 10/03/2025:* https://www.viglacera.com.vn

Nơi nhận/*Receipt*: - Như kính gửi/*As regard*; - Lưu/*Archive:* VP, TCKT/*HO, F&A*	**Đại diện tổ chức** ***Company representative*** Người được Ủy quyền CBTT *Authorised person to Disclose information* **Trần Thị Minh Loan**

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA -CTCP

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY VIGLACERA -CTCP
DN: C=VN, L=HÀ NỘI, CN=TỔNG CÔNG TY VIGLACERA -CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100108173
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-03-10 18:06:03

M.S.D.N: 0100108173 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA CTCP
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Bản công bố thông tin và các tài liệu Tiếng Anh kèm theo là bản dịch Tiếng Anh và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

This disclosure and any document attached in English is an English translation and is for informational purposes only. In case of any discrepancy or inconsistent understanding between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version will take precedence.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP

NĂM 2024

(Theo hướng dẫn tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)

Hà Nội, tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG 3
1. Thông tin khái quát 3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 4
2.1. Ngành nghề kinh doanh 4
2.2. Địa bàn kinh doanh 4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: 4
3.1. Mô hình quản trị: 4
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý 4
3.3. Các Công ty con, công ty liên kết 5
4. Định hướng phát triển 6
4.1. Các mục tiêu chủ yếu 6
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn 6
4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và các chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng công ty 7
5. Các rủi ro và quản lý rủi ro 7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 10
1. Tổng quan tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2024 10
1.1. Kết quả hoạt động SXKD trong năm 10
1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 10
2. Tổ chức nhân sự 11
2.1. Danh sách Ban điều hành của Tổng Công ty 11
2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành của Tổng công ty 12
2.3. Số lượng CBCNV toàn Tổng Công ty 12
2.4. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động 12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 12
4. Tình hình tài chính 14
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 15
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty 15
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 18
1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024 18
2. Tình hình tài chính: 21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 21
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 21
5. Giải trình BGĐ với ý kiến kiểm toán nếu có: 22
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty 23
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24
1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty 24
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc: 25
3. Các định hướng và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 26
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 27
1. Hội đồng quản trị 27
2. Ban kiểm soát 30
3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát 31
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 33
1. Ý kiến kiểm toán: 33
2. Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán: 33

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP
  VIGLACERA CORPORATION - JSC
- Giấy CNĐKDN CTCP: Số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28/02/2025
- Vốn điều lệ: 4.483.500.000.000 đồng (Bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 4.483.500.000.000 đồng (Bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Tầng 16 và 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3553 6660
- Fax: (84-24) 3553 6671
- Website: http://www.viglacera.com.vn/ Email: info@viglacera.com.vn
- Mã cổ phiếu: VGC
- Logo:

VIGLACERA

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

➢ 1974: Công ty Gạch ngói Sành sứ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 366/BXD ngày 25/07/1974 của Bộ Xây dựng.

➢ 1979: Chuyển đổi thành Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng theo Quyết định số 308/CP của Chính phủ ngày 07/09/1979.

➢ 1992-1993: Đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng và sau đó đổi tên thành Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

➢ 1995: Thành lập Tổng công ty Thuỷ tinh và Gốm xây dựng là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng, hoạt động theo mô hình Tổng công ty 90.

➢ 2006: Chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 576/BXD-QĐ ngày 29/3/2006 của Bộ Xây dựng.

➢ 2010-2012: Công ty mẹ - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng thành công ty TNHH một thành viên và đổi tên thành Tổng công ty Viglacera.

➢ 2013: Được phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Tổng công ty Viglacera thành công ty cổ phần tại Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

➢ 2014: Tổng Công ty Viglacera đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera là 2.645 tỷ đồng. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng 7/2014.

➢ 2015: Cổ phiếu của Tổng công ty được chính thức giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch VGC.

➢ 2016: Tăng vốn điều lệ lên 3.070 tỷ đồng. Ngày 22/12/2016, Cổ phiếu VGC đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội – HNX.

➢ 2017: Tăng vốn điều lệ lên 4.270 tỷ đồng rồi lên 4.483,5 tỷ đồng và giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước còn 53,97%.

➢ 2019: Hoàn thành việc thoái vốn Nhà nước về 38,58%. Chính thức chuyển niêm yết cổ phiếu VGC từ HNX sang HOSE.

➢ 2020: Bộ Xây dựng và Tổng công ty đã ký biên bản bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 814/QĐ-BXD .

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là: Đầu tư kinh doanh bất động sản và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

2.2. Địa bàn kinh doanh

Viglacera được xếp hạng là một trong những thương hiệu mạnh và uy tín của Quốc gia (được Chính phủ xếp hạng là Thương hiệu quốc gia) với mạng lưới hoạt động phủ kín 63 tỉnh, thành Việt Nam. Công tác phát triển thương hiệu được duy trì thường xuyên toàn quốc, thông qua các hoạt động truyền thông, quảng cáo. Bên cạnh đó thương hiệu Viglacera cũng đã vươn ra thế giới qua các sự kiện hợp tác, xúc tiến thương mại toàn cầu, các hoạt động triển lãm nước ngoài.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đạt 46,6 triệu USD, là năm có doanh số Xuất khẩu cao nhất từ trước tới nay, sản phẩm Viglacera đã hiện diện trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Mỹ, EU, Úc, Nhật, Đài Loan, Thái Lan, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia…

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

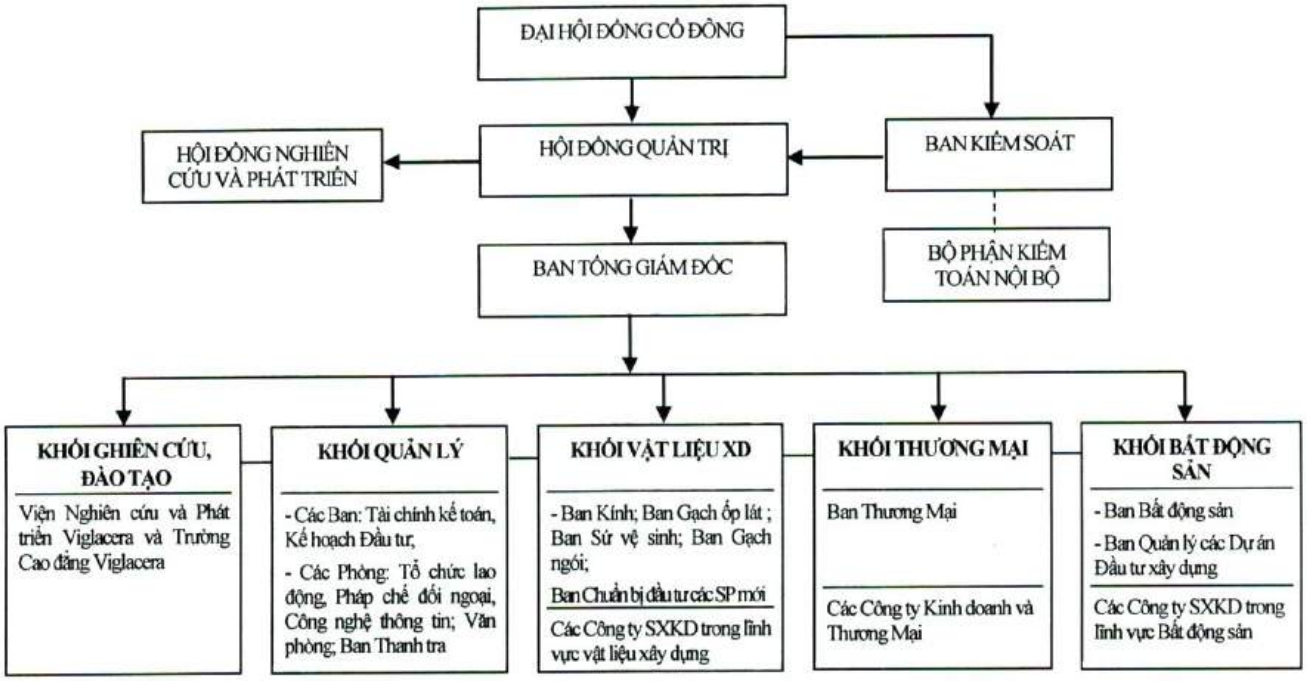

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

ĐHĐCĐ: cơ quan quyết định cao nhất của bộ máy quản trị Tổng công ty

Hội đồng quản trị: gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và 4 thành viên.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
2	Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên
3	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên độc lập
4	Ông Lê Bá Thọ	Thành viên
5	Bà Trần Thị Minh Loan	Thành viên

Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng ban Kiểm soát và 2 thành viên.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ được đặt tại Ban Kiểm soát Tổng công ty.

Ban Tổng Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc được giao phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

Các phòng, ban Công ty mẹ; các công ty phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết

3.3. Các Công ty con, công ty liên kết

Tính đến ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có các công ty thành viên hoạt động trong hai lĩnh vực chủ yếu là sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản, cụ thể như sau:

a. Các công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1. CTCP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	SX và KD gạch ốp lát	69.898	51,07%
2. CTCP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch ốp lát	500.000	51,00%
3. CTCP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	SX và KD gạch ốp lát	56.000	51,00%
4. CTCP Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	SX và KD bao bì, má phanh	9.900	51,00%
5. CTCP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	Kinh doanh gạch ốp lát	30.000	51,02%
6. CTCP Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	SX và KD sứ vệ sinh	26.250	92,82%
7. CTCP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	SX và KD sứ vệ sinh	63.000	59,96%
8. CTCP Thương mại Viglacera	Hà Nội	KD vật liệu xây dựng	28.469	76,23%
9. CTCP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	SX và KD gạch AAC, panel	65.000	96,19%
10. CTCP Kính Đáp Cầu (hợp nhất), gồm công ty con: *Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera*	Bắc Ninh	SX và KD kính *KD lắp dựng kính xây dựng*	300.000	86,41%
11. CTCP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	Khai thác và KD cát, du lịch	800.039	98,17%
12. CTCP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	Khai thác và KD khoáng sản	12.500	51,00%
13. CTCP Viglacera Hạ Long (hợp nhất), gồm các công ty con, liên kết: - *Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long* - *CTCP gạch Clinker Viglacera* - *CTCP Viglacera Đông Triều* - *CTCP Viglacera Hạ Long II*	Quảng Ninh	SX và KD gạch ngói *KD Vật liệu xây dựng* *SX và KD gạch ngói* *SX và KD gạch ngói* *SX và KD gạch ngói*	250.000	50,48%
14. CTCP Từ Liêm	Hà Nội	SX và KD gạch ngói	15.625	55,92%
15. CTCP 382 Đông Anh	Hà Nội	SX và KD gạch ngói	10.050	51,00%
16. CTCP Gốm XD Hữu Hưng	Hà Nội	SX và KD gạch ngói	7.500	51,00%
17. CTCP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	Lập dự án, thiết kế các công trình	3.000	76,89%
18. CTCP Phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ, gồm công ty con: *Công ty TNHH Thi công hạ tầng Viglacera Yên Mỹ*	Hưng Yên	Đầu tư xây dựng, cho thuê CSHT KCN	300.000	60,00%
19. Công ty ViMariel - CTCP	Cuba	Kinh doanh hạ tầng KCN	17.180.067 (EUR)	99,95%
20. Công ty TNHH CHAO - Viglacera	Hà Nội	Dịch vụ du lịch, nhà hàng	3.146	100,00%
21. Công ty TNHH kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	BR-VT	SX và KD Kính	886.000	65,00%
22. Công ty CP Viglacera Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đầu tư xây dựng, cho thuê CSHT KCN	600.000	51,00%

b. Các công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1. Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Bắc Ninh	SX và KD Kính	512.042	35,29%
2. CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	KD xuất nhập khẩu	80.000	25,00%
3. CTCP Gạch ngói Từ Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch	20.002	24,93%
4. CTCP Gốm xây dựng Yên Hưng	Quảng Ninh	SX và KD gạch	10.000	26,00%
5. CTCP Gạch chịu lửa Cầu Đuống	Hà Nội	SX và KD Gạch chịu lửa	5.000	25,00%
6. Công ty SanVig - CTCP	Cuba	SX và KD các sản phẩm gốm sứ, vật liệu và các sản phẩm XD khác	39.859.960 (USD)	

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu

4.1.1. Xây dựng Viglacera từng bước trở thành tập đoàn kinh tế mạnh ở cả hai lĩnh vực: Vật liệu xây dựng và Bất động sản.

4.1.2. Triển khai chiến lược và kế hoạch tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty, tập trung phát triển các lĩnh vực /nhóm sản phẩm có cơ hội và điều kiện gia tăng hiệu quả của vốn đầu tư; thoái hết vốn tại các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất lạc hậu, hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

4.1.3. Giữ vững thương hiệu Viglacera là Thương hiệu mạnh Quốc gia và đưa Viglacera vươn tầm thương hiệu Quốc tế.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

4.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững, có mức tăng trưởng bình quân khoảng 7%-10% đối với tất cả các chỉ tiêu chính trong hoạt động SXKD, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông với 2 lĩnh vực cốt lõi là Vật liệu xây dựng và Đầu tư kinh doanh bất động sản, cụ thể:

Lĩnh vực vật liệu xây dựng:

- Giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Phát triển ổn định bền vững để trở thành thương hiệu hàng đầu không chỉ ở khu vực mà còn vươn tầm ra thế giới với Hệ sinh thái vật liệu xanh, cao cấp (đá nung kết, gạch không nung, pin năng lượng mặt trời, kính tiết kiệm năng lượng, gạch granite, sứ vệ sinh cao cấp...), đồng bộ và có hiệu quả.,

- Chú trọng đa dạng hóa sản xuất sản phẩm nhằm cung cấp trọn gói và đồng bộ các loại vật liệu xây dựng cho các dự án lớn tại thị trường trong nước và quốc tế, xây dựng chuỗi cung ứng từ nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm mới để tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch nghiên cứu đầu tư phát triển trung/dài hạn trong các lĩnh vực/nhóm sản phẩm mũi nhọn và các sản phẩm mới.

Lĩnh vực bất động sản:

Là nhà đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực đáng tin cậy; Trong đó trở thành nhà đầu tư hàng đầu tại Việt nam với những tiện ích tối đa cho khách hàng trong các lĩnh vực:

- Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà ở xã hội, nhà ở công nhân KCN;

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành khu công nghiệp với chiến lược phát triển KCN xanh, thông minh, hình thành thành phố công nghiệp tích hợp đô thị sinh thái; theo đó đáp ứng tiêu chuẩn và khả năng cạnh tranh với các nhà đầu tư khu công nghiệp trong nước, nước ngoài; nắm bắt cơ hội xu thế chuyển dịch đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam.

4.2.2. Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới.

Tập trung phát triển khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động, khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; mục tiêu dài hạn đạt tiệm cận với doanh nghiệp hàng đầu trên thế giới trong cùng lĩnh vực.

4.2.3. Triển khai Chiến lược tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty, tiếp tục lộ trình tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera - CTCP theo Đề án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2.4. Xây dựng chế độ chính sách, đội ngũ nhân lực trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.

4.2.5. Mở rộng thị trường, tăng thị phần trong nước và xuất khẩu.

4.2.6. Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và các chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng công ty

Định hướng khách hàng

Viglacera luôn chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, lắng nghe nhu cầu và mong muốn của khách hàng nhằm sản xuất và cung cấp ra thị trường các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Sản phẩm vật liệu xây dựng của Viglacera được biết đến rộng rãi và nắm giữ thị phần lớn tại thị trường Việt Nam; sản phẩm nhà ở dành cho người thu nhập thấp được xã hội đánh giá cao; Các Khu công nghiệp của Viglacera được nhiều nhà đầu tư lớn trên thế giới lựa chọn đặt nhà máy.

Chất lượng sản phẩm

Chất lượng là yếu tố cấu thành quan trọng nhất, tạo nên thương hiệu và danh tiếng của Viglacera trong mọi lĩnh vực hoạt động, ở mọi giai đoạn phát triển. Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, thân thiện môi trường, có hiệu năng sử dụng cao. Các sản phẩm bất động sản của Viglacera, dù thiết kế dành cho người thu nhập thấp, vẫn đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về kỹ thuật và công năng.

Trách nhiệm xã hội

Viglacera là đơn vị tiên phong trong việc xây dựng phát triển nhà ở xã hội, sản xuất các vật liệu "xanh", thân thiện môi trường với Hệ sinh thái vật liệu xanh, giúp tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và sử dụng; mang lại giá trị gia tăng cao cho khách hàng. Viglacera luôn đề cao ý thức phục vụ xã hội, thể hiện cụ thể thành các mục tiêu kinh doanh như chiến lược phát triển bất động sản hướng về người thu nhập thấp, đầu tư vào những công nghệ đi tắt đón đầu, giúp tối ưu hóa sản xuất và thân thiện môi trường.

5. Các rủi ro và quản lý rủi ro

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như sau:

1) Rủi ro cạnh tranh

Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng đối với lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Tổng công ty , trong cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Đánh giá các yếu tối rủi ro chủ yếu về thị trường như sau:

- Lĩnh vực vật liệu: Luôn có mức độ cạnh tranh cao, đặc biệt khi Việt Nam hội nhập sâu theo các Hiệp định, Diễn đàn hợp tác thương mại khu vực và thế giới; trong đó chủ yếu là các yếu tố về giá cả, chất lượng, thói quen tiêu dùng, cạnh tranh từ hàng nhập khẩu...;

- Đối với lĩnh vực bất động sản: Rủi ro về thị trường dẫn đến hàng tồn kho tăng, rủi ro về thành khoản, cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và tiện ích...

Giải pháp:

- Thực hiện các giải pháp quản trị đồng bộ đã và đang được triển khai đó là: nắm bắt kịp thời xu hướng thị trường - sản phẩm mới - nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm - giá cả hợp lý - chất lượng dịch vụ.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống phân phối của Viglacera; Phát triển mô hình chuyên môn hóa theo nhóm sản phẩm, bộ sản phẩm đồng bộ đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ sau bán hàng.

- Nâng cao chất lượng, mức độ kiểm soát, đánh giá; thực hiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức phòng, ban chuyên trách theo từng lĩnh vực, nhóm sản phẩm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân.

- Nắm bắt cơ hội của sự tăng trưởng của nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng, nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong nước cũng như sản phẩm nhập khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Nắm bắt cơ hội của sự tăng trưởng về thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhu cầu thị trường nhà ở , nâng cao hiệu quả kinh doanh, ổn định và bền vững, hạn chế ảnh hưởng từ các rủi ro nêu trên.

2) Rủi ro về chính sách quản lý, chính trị quốc gia

Chính sách quản lý của Nhà nước cũng là một trong các yếu tố ảnh hưởng, xuất hiện các rủi ro đối với hoạt động của doanh nghiệp, từ các vấn đề trọng tâm như sau: một số vướng mắc liên quan đến chính sách pháp lý, quy hoạch, điều chỉnh khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế; rủi ro về chính trị quốc gia, chính sách quản lý kinh tế ảnh hưởng đến lạm phát, lãi suất, tỷ giá

Giải pháp:

- Thường xuyên bám sát, cập nhật cũng như có các đánh giá dự báo về chính sách quản lý nhà nước, đặc biệt liên quan đối với các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

- Triển khai chương trình đầu tư phát triển với các dự án đầu tư các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao như đã nêu trên; đảm bảo khai thác nhanh hiệu quả vốn đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; hạn chế các yếu tố rủi ro về lạm phát, lãi suất… và tận dụng cơ hội, điều kiện thuận lợi của chính sách quản lý nhà nước về phát triển kinh tế công nghiệp, phục vụ an sinh xã hội.

3) Rủi ro công nghệ và quản trị

- Rủi ro về công nghệ: Chủ yếu trong lĩnh vực vật liệu, với sự phát triển của khoa học công nghệ sản xuất, yếu tố rủi ro mang đến là khả năng lạc hậu về công nghệ, suy giảm năng lực cạnh tranh trong quản trị chất lượng, mẫu mã sản phẩm, chi phí...

- Rủi ro trong quản trị: Năng lực và chất lượng của hoạt động quản trị có những rủi ro tiềm ẩn, có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp.

Giải pháp:

- Đầu tư cho nghiên cứu phát triển kết hợp với đi tắt đón đầu về công nghệ gốc kết hợp với hợp tác với các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm, uy tín trong các lĩnh vực hoạt động để đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm. .

- Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro. Theo đó, dành một phần nguồn lực tập trung đầu tư thiết lập và nâng cao năng lực quản trị rủi ro; đặc biệt đầu tư cho hệ thống ERP (đưa công nghệ thông tin ứng dụng trong hệ thống quản trị) đảm bảo mục đích kiểm soát rủi ro các rủi ro của doanh nghiệp.

4) Rủi ro về môi trường, thiên tai, bệnh dịch

Trong năm 2019-2021, Việt Nam và thế giới đã trải qua các giai đoạn bùng phát của dịch Covid-19, ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế xã hội toàn cầu và trong nước; Bên cạnh đó, là tình hình thiên tai bão lũ, ô nhiễm môi trường, khí hậu do đánh đổi của các quốc gia với phát triển kinh tế cũng là yếu tố tác động lớn đến hoạt động kinh doanh, đầu tư của các doanh nghiệp.

Do đó, yếu tố từ môi trường và thiên tai, bệnh dịch là rủi ro đáng kể đối với doanh nghiệp nói chung và Tổng công ty Viglacera-CTCP; đồng thời, các định chế, quy định pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường tại Việt Nam, cũng như trên toàn cầu hiện nay đang được các nước chú trọng, siết chặt trong quản lý vĩ mô, đặc biệt Việt Nam và một số quốc gia đặt mục tiêu Net Zero (phát thải ròng bằng 0) trước 2050 nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu..

Giải pháp

Những vấn đề rủi ro từ những yếu tố này đã được Viglacera xem xét trong giai đoạn phát triển từ trước tới nay đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hiệu quả. Theo đó:

- Chiến lược và các giải pháp đầu tư phát triển các dòng sản phẩm "xanh", "thân thiện môi trường", các sản phẩm công nghệ cao và tiếp tục đầu tư phát triển các dòng sản phẩm mới trong định hướng chiến lược phát triển của Viglacera. Đồng thời, đầu tư cho giải pháp công nghệ-kỹ thuật, đổi mới dây chuyền thiết bị ... là các giải pháp trọng tâm để tối đa hiệu quả sản xuất, giảm thiểu chi phí, giảm thiểu tối đa sử dụng nguồn nguyên liệu gây ô nhiễm.

- Phát triển các Khu công nghiệp đồng bộ tiện ích. các công trình khu đô thị và nhà ở "xanh", sử dụng vật liệu của Viglacera. Theo đó, các Khu đô thị và nhà ở tiêu biểu của Viglacera đã được trao tặng/vinh danh các giải thưởng khu đô thị nhà ở đạt chuẩn quốc tế, an toàn..., đáp ứng yêu cầu môi trường bền vững.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP

1. Tổng quan tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2024

1.1. Kết quả hoạt động SXKD trong năm

Tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới năm 2024 tiếp tục có nhiều biến động, tác động bất lợi, nhưng cũng tạo những cơ hội cho hoạt động của Tổng công ty. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 được tóm tắt như sau:

Lợi nhuận trước thuế:

+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Tổng công ty Viglacera-CTCP đạt 1.630 tỷ đồng đạt 147% KH ĐHĐCĐ giao.

+ Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ đạt 1.481 tỷ đồng vượt 35% KH được ĐHĐCĐ giao. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến là 22%, tăng 2% so với cam kết với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Doanh thu:

+ Doanh thu hợp nhất Tổng công ty Viglacera-CTCP đạt 11.906 tỷ đồng đạt 89% KH được ĐHĐCĐ giao;

+ Doanh thu Công ty Mẹ đạt 3.935 tỷ đồng, đạt 80% KH được ĐHĐCĐ giao.

Tuy doanh thu chưa đạt mục tiêu KH ĐHĐCĐ giao, nhưng lợi nhuận hợp nhất và của Công ty Mẹ đều vượt KH cho thấy, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty vẫn đảm bảo tăng trưởng tốt.

Tình hình quản lý, sử dụng vốn:

Tình hình tài chính của Công ty Mẹ được vận hành, sử dụng và bảo toàn vốn có hiệu quả, thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả sinh lời năm 2024 như sau:

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu của Công ty mẹ là 37,6%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE của Công ty mẹ là 15,5%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA Công ty mẹ là 7,5%.

+ Hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024 của Công ty Mẹ đạt 1,10 lần; hợp nhất toàn Tổng công ty là 1,49 lần.

Tổng số vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2024 là 3.793 tỷ đồng. Nguồn thu cổ tức từ các công ty con và công ty liên kết vẫn đảm bảo ổn định; trong năm 2024, lợi nhuận thu được từ cổ tức đạt 164 tỷ đồng. Tổng công ty không đầu tư ra ngoài ngành cũng như vào những ngành có rủi ro cao.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Tổng quan kết quả hoạt động SXKD năm 2024, Tổng công ty Viglacera-CTCP tiếp tục đạt và vượt mục tiêu về hiệu quả; Đặc biệt Công ty Mẹ tiếp tục thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, đi đầu trong việc duy trì và hoàn thành tốt chỉ tiêu Lợi nhuận vượt kế hoạch cam kết với ĐHĐCĐ. Đánh giá kết quả hoạt động trong từng lĩnh vực như sau:.

a. Lĩnh vực vật liệu:

Năm 2024 là năm khó khăn với nền kinh tế thế giới nói chung, trong bối cảnh tình hình địa chính trị thế giới tiếp tục có nhiều biến động, cạnh tranh thương mại...Theo đó, các nhóm sản phẩm Vật liệu xây dựng của Tổng công ty bị canh tranh gay gắt từ hàng nhập khẩu, đồng thời nhu cầu thị trường nội địa giảm mạnh khiến việc tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn. Năm 2024, lĩnh vực vật liệu có lỗ phát sinh, tuy nhiên đã giảm lỗ so với năm 2023.

- Nhóm kính:Tiếp tục là nhóm chịu ảnh hưởng lớn nhất và có phát sinh lỗ lớn nhất trong năm. Sức ép cạnh tranh từ hàng nhập khẩu, lượng kính nhập khẩu tăng đột biến, đã kéo giảm sâu giá bán thị

trường nội địa. Từ nửa cuối Quý 3/2024, với các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ của nhà nước, cùng với sự tăng trưởng của thị trường bất động sản, nhu cầu thị trường và giá bán khả quan hơn.

- Nhóm Sứ vệ sinh: Thị trường tiêu thụ nhiều khó khăn, nhu cầu giảm 15-20% so với năm 2023, tất cả các đơn vị sản xuất đều phải giảm công suất. Bên cạnh tập trung tiêu thụ hàng tồn, thu hồi tối đa dòng tiền, nhóm sứ vệ sinh đã tập trung cơ cấu lại sản phẩm, dịch chuyển sang dòng sản phẩm phục vụ thị trường xuất khẩu và phát triển thị trường trong nước, tạo thị trường tiêu thụ cho năm 2025.

- Nhóm Gạch ốp lát: Trong 6 tháng cuối năm, khi thị trường có dấu hiệu khởi sắc, nhu cầu tiêu thụ dần gia tăng, các đơn vị đã linh hoạt điều chỉnh thời gian vận hành, khai thác hợp lý công suất của từng nhà máy, đồng thời tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm mới (đặc biệt trong hệ sinh thái vật liệu xanh của Tổng công ty) và thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu, do đó doanh thu, sản lượng tiêu thụ từng bước tăng trưởng, là nhóm có lợi nhuận cao nhất trong khối Vật liệu xây dựng.

- Nhóm gạch ngói đất sét nung: Chịu ảnh hưởng nặng nề từ thị trường gạch ngói trầm lắng, nhu cầu giảm sút kéo dài đã làm ảnh hưởng tới kết quả SXKD, bên cạnh đó khó khăn từ sản xuất như giá nguyên nhiên liệu tăng cao. Các đơn vị ngoài miền Bắc bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bão Yagi vào tháng 9 năm 2024. Đây là các đơn vị Tổng công ty đã và đang triển khai các bước thoái vốn hoặc tái cơ cấu.

b. Lĩnh vực bất động sản:

Với những thay đổi của các quy định pháp luật liên quan trong lĩnh vực bất động sản, là yếu tố tích cực hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các dự án bất động sản; đồng thời nắm bắt cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, Tổng công ty tiếp tục tập trung đầu tư, phát triển mở rộng quỹ đất KCN, mở rộng đầu tư tại các địa bàn mới đồng thời tiếp tục khẳng định được vị thế là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp, nhà ở công nhân và nhà ở xã hội. .

Lĩnh vực bất động sản thuộc Công ty Mẹ vẫn tiếp tục thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, đi đầu trong việc duy trì hiệu quả SXKD, góp phần quan trọng cho Công ty Mẹ hoàn thành kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng công ty trong năm 2024 đã tập trung nguồn lực thực hiện triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt là đền bù giải phóng mặt bằng, đẩy mạnh công tác kinh doanh, xúc tiến đầu tư tại nước ngoài.

Mặc dù có những thách thức khó khăn không nhỏ cả về khách quan và chủ quan, năm 2024 Tổng công ty Viglacera tiếp tục hoàn thành vượt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ giao, đồng thời tiếp tục duy trì vị thế là doanh nghiệp tiên phong trong ngành vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản tại Việt Nam với những giải thưởng thương hiệu vinh dự đạt được như: Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2024 (lần thứ 7 liên tiếp), Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và trong Top 10 Công ty sản xuất VLXD, Top 10 nhà phát triển bất động sản công nghiệp (VNR500), vinh danh "Top 50 Công ty Kinh doanh Hiệu quả nhất Việt Nam 2024", Top 10 Giải thưởng Thương hiệu xanh Việt Nam 2024; Khu nhà ở công nhân tại KCN Đồng Văn IV do Viglacera làm chủ đầu tư vinh dự được trao tặng là "Dự án đáng sống".

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành của Tổng Công ty

Họ tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (chốt ngày 31/12/2024)
1. Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng giám đốc	Kỹ sư Vật liệu xây dựng	564.500 CP/ 0,12%
2. Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng giám đốc	Kỹ sư Xây dựng	0
3. Bà Trần Thị Minh Loan (Bổ nhiệm PTGĐ: 05/07/2024)	Phó Tổng giám đốc	Cử nhân Kế toán; Thạc sĩ kinh tế ngành Tài chính ngân hàng	0
4. Ông Lương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng	0
5. Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Hóa Silicat	102.000 CP/ 0,02%
6. Ông Quách Hữu Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Hóa Silicat; Thạc sĩ QTKD	9.000 CP/0,00%

Họ tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (chốt ngày 31/12/2024)
7. Ông Hoàng Kim Bồng (Thôi làm PTGĐ: 01/07/2024)	Phó Tổng giám đốc	Thạc sĩ QTKD; Kỹ sư Vật liệu xây dựng	0
8. Ông Nguyễn Anh Tuấn (Thôi làm PTGĐ: 01/08/2024)	Phó Tổng giám đốc	Thạc sĩ QTKD	0
9. Ông Ngô Trọng Toán	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ QTKD	0

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành của Tổng công ty

- Ông Hoàng Kim Bồng thôi làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 01/07/2024;

- Ông Nguyễn Anh Tuấn thôi làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 01/08/2024;

- Bà Trần Thị Minh Loan được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 05/07/2024.

2.3. Số lượng CBCNV toàn Tổng Công ty

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số CBCNV của Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và các Công ty con) là 6.340 người (Trong đó số CBCNV tại Công ty mẹ là 1.604 người).

2.4. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

Tại Viglacera, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm, công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách phát triển chất lượng nguồn nhân lực, chính sách lương, thưởng, đãi ngộ, chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, giữ chân người lao động ... được hoàn thiện, đảm bảo thu nhập người lao động, tương ứng với năng lực.Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học của Tổng công ty chiếm tỉ trọng cao (gần 30%), hầu hết người lao động đều có kỹ thuật tay nghề giỏi đã qua đào tạo. Đội ngũ lãnh đạo có chuyên môn cao, kinh nghiệm và năng lực quản lý, gắn bó lâu năm giúp Tổng công ty đảm bảo sự nhất quán trong điều hành chiến lược và tính định hướng kế thừa với đội ngũ lao động trẻ tuổi. Ban lãnh đạo Viglacera luôn chú trọng tới việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và là nhân tố không thể thiếu góp phần vào phát triển bền vững của Viglacera trong tương lai.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Đầu tư phát triển:

Năm 2024, tổng giá trị đầu tư phát triển của Công ty Mẹ - Tổng công ty đạt 2.022 tỷ đồng, đạt 70% KH; Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực bất động sản: đạt 1.977 tỷ đồng; trong đó, KCN và dịch vụ đạt 1.677 tỷ đồng, đạt 98% KH; Nhà ở và bất động sản nghỉ dưỡng đạt 300 tỷ đồng, đạt 49% KH;

- Lĩnh vực vật liệu, nghiên cứu phát triển, đào tạo, khác: đạt 44,5 tỷ đồng, đạt 8% KH.

Đầu tư tại các công ty con, liên kết: Chủ yếu là các dự án hạ tầng kỹ thuật KCN, dự án Khu du lịch sinh thái Vân Hải do các công ty con làm chủ đầu tư; trong lĩnh vực vật liệu chủ yếu là đầu tư chiều sâu. Tổng giá trị đầu tư năm 2024 toàn Tổng công ty đạt 2.919 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện đầu tư trong các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Vật liệu: Đầu tư chiều sâu tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới tại các đơn vị thành viên như Băng áp lực tại Công ty Sứ Viglacera Mỹ Xuân; Thiết bị phủ PVD và Đúc áp lực thấp tại Công ty Sen vòi...

- Lĩnh vực Bất động sản: Nắm bắt nhu cầu và cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài tăng trưởng hằng năm, tập trung triển khai các dự án trọng điểm theo Kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua trong lĩnh vực hạ tầng KCN, nhà ở xã hội/nhà ở công nhân (Công ty Mẹ nắm vai trò chủ đạo), gồm các dự án đang thực hiện, đầu tư mới và chuẩn bị đầu..

Khu công nghiệp và dịch vụ

+ Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại các KCN đang thực hiện như Yên Phong IIC, Thuận Thành (Bắc Ninh), Phú Hà (Phú Thọ), Tiền Hải (Thái Bình)... Đồng thời hoàn thành các dự án dịch vụ (trạm xử lý nước thải, cung cấp nước sạch theo tiến độ).

Tiếp tục triển khai theo tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư của các dự án KCN mới đã được chấp thuận chủ trương đầu tư: KCN Sông Công II (Thái Nguyên), KCN Trấn Yên (Yên Bái), KCN Dốc Đá Trắng (Khánh Hòa); đồng thời khảo sát, đề xuất lập hồ sơ để triển khai đầu tư các KCN mới..

Nhà ở và khu đô thị:

+ Tiếp tục phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đồng bộ với phát triển KCN hiện có cũng như đầu tư mới của Tổng công ty, theo đó tập trung đầu tư hoàn thiện, đưa vào sử dụng đối với các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các KCN.

+ Tiếp tục triển khai phát triển quỹ đất các khu nhà ở/đô thị cho các giai đoạn tiếp theo tại các địa bàn theo danh mục kế hoạch đầu tư đã báo cáo tại ĐHĐCĐ.

+ Đồng thời, đã hoàn thành, khai trương và đưa vào vận hành Khách sạn nghỉ dưỡng 5 sao quốc tế "Angsana Quan Lan HaLong Bay Hotel & Resort" từ tháng 7/2024.

b. Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết

Năm 2024, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn theo tiến độ tại Công ty ViMariel - CTCP. Chi tiết như sau:

TT	Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Số vốn đầu tư thêm trong năm 2024 (Tr.đồng)
1	Công ty ViMariel - CTCP	Kinh doanh hạ tầng KCN	84.181

3.2. Các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2024

a. Các công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại 31/12/2024 (triệu đồng)	DTT 2024 (triệu đồng)
1. CTCP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	SX và KD gạch ốp lát	69.898	51,07%	337.700	630.257
2. CTCP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch ốp lát	500.000	51,00%	2.115.246	2.143.145
3. CTCP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	SX và KD gạch ốp lát	56.000	51,00%	350.478	561.471
4. CTCP Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	SX và KD bao bì, má phanh	9.900	51,00%	58.899	79.107
5. CTCP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	Kinh doanh gạch ốp lát	30.000	51,02%	596.621	3.814.639
6. CTCP Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	SX và KD sứ vệ sinh	26.250	92,82%	118.978	199.968
7. CTCP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	SX và KD sứ vệ sinh	63.000	59,96%	137.790	173.831
8. CTCP Thương mại Viglacera	Hà Nội	KD vật liệu xây dựng	28.469	76,23%	293.515	953.125
9. CTCP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	SX và KD gạch AAC, panel	65.000	96,19%	112.282	109.117
10. CTCP Kính Đáp Cầu (Hợp nhất)	Bắc Ninh	SX và KD kính	300.000	86,41%	119.445	46.750
11. CTCP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	Khai thác và KD cát, du lịch	800.039	98,17%	1.381.911	43.234
12. CTCP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	Khai thác và KD khoáng sản	12.500	51,00%	45.662	65.893
13. CTCP Viglacera Hạ Long (Hợp nhất)	Quảng Ninh	SX và KD gạch ngói	250.000	50,48%	728.933	1.148.292
14. CTCP Từ Liêm	Hà Nội	SX và KD gạch ngói	15.625	55,92%	22.436	9.632
15. CTCP Đông Anh	Hà Nội	SX và KD gạch ngói	10.050	51,00%	13.399	38.219
16. CTCP Gốm Xây dựng Hữu Hưng	Hà Nội	SX và KD gạch ngói	7.500	51,00%	4.531	6.094
17. CTCP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	Lập dự án, thiết kế các	3.000	76,89%	15.627	15.946

Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại 31/12/2024 (triệu đồng)	DTT 2024 (triệu đồng)
		công trình				
18. CTCP Phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ (Hợp nhất)	Hưng Yên	Đầu tư xây dựng, cho thuê CSHT KCN	300.000	60,00%	1.210.454	1.009.903
19. Công ty ViMariel - CTCP	Cuba	Kinh doanh hạ tầng KCN	395.745	99,95%	564.257	15.000
20. Cty TNHH CHAO - Viglacera	Hà Nội	Dịch vụ du lịch, nhà hàng	3.146	100,00%	198	-
21. Công ty TNHH Kính Nổi Siêu trắng Phú Mỹ	Vũng Tàu	SX và KD Kính	886.000	65,00%	2.464.213	1.447.372
22. Công ty CP Viglacera Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đầu tư và Kinh doanh hạ tầng KCN	600.000	51,00%	622.974	-

b. Các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động KD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại 31/12/2024 (triệu đồng)	DTT 2024 (triệu đồng)
1. Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Bắc Ninh	SX và KD Kính	512.042	35,29%	675.990	1.099.735
2. CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	KD xuất nhập khẩu	80.000	25,00%	163.585	102.585
3. CTCP Gạch ngói Từ Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch	20.002	24,93%	16.014	6.527
4. CTCP gốm xây dựng Yên Hưng	Quảng Ninh	SX và KD gạch	10.000	26,00%	25.465	1.542
5. CTCP Gạch chịu lửa Cầu Đuống	Hà Nội	SX và KD Gạch chịu lửa	5.000	25,00%	29.356	18.191
6. Công ty SanVig - CTCP	Cuba	SX và KD các sản phẩm gốm sứ, vật liệu và các sản phẩm XD khác	39.859.960 (USD)		666.728	185.473

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2024	Năm 2023	% 2024/2023	Năm 2024	Năm 2023	% 2024/2023
I. Tình hình tài chính							
Tổng giá trị tài sản	Tr.đ	16.746.391	15.256.033	110%	24.827.419	24.100.190	103%
Doanh thu thuần	Tr.đ	3.935.428	5.337.068	74%	11.906.356	13.193.818	90%
Lợi nhuận gộp	Tr.đ	1.883.557	2.217.639	85%	3.517.307	3.519.126	100%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đ	1.413.499	1.924.499	73%	1.601.646	1.593.983	100%
Lợi nhuận khác	Tr.đ	67.934	-13.364		28.680	7.955	361%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.481.432	1.911.134	78%	1.630.326	1.601.939	102%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.192.879	1.577.938	76%	1.187.619	1.162.239	102%
% cổ tức	%	22% (dự kiến)	22,5	98%			
Lợi nhuận chi trả cổ tức	Tr.đ	986.370	1.008.788	98%			
% Lợi nhuận chi trả cổ tức	%	83%	64%	129%			
II. Các chỉ tiêu chủ yếu							
1. Khả năng thanh toán							
+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát		1,91	1,95	98%	1,67	1,65	101%
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn		1,13	1,14	98%	1,08	1,09	99%
2. Cơ cấu vốn							
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0,52	0,51	102%	0,60	0,60	100%
+ Hệ số Nợ/VCSH		1,10	1,05	105%	1,49	1,53	98%
3. Năng lực hoạt động							
+ Vòng quay Hàng tồn kho		5,2	8,8	58%	11,0	12,9	85%

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2024	Năm 2023	% 2024/2023	Năm 2024	Năm 2023	% 2024/2023
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		0,25	0,36	68%	0,49	0,56	87%
4. Khả năng sinh lời							
Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	37,6%	35,8%	105%	13,7%	12,1%	113%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	%	7,5%	10,7%	69%	4,9%	4,9%	100%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,5%	22,1%	70%	12,2%	12,5%	98%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	30,3%	29,6%	97%	10,0%	8,8%	113%
Tỷ suất Lợi nhuận hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	35,9%	36,1%	100%	13,5%	12,1%	111%

5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ	4.483.500.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	448.350.000 CP
Số lượng cổ phiếu do Nhà nước nắm giữ tại 31/12/2023	172.985.262 CP
Cổ phiếu quỹ	0 CP

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/10/2024:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước:	**6.246**	**431.780.477**	**4.317.804.770.000**	**96,30%**
1. Bộ Xây dựng:	1	172.985.262	1.729.852.620.000	38,58%
2. Tổ chức trong nước khác:	37	227.947.628	2.279.476.280.000	50,84%
3. Cá nhân trong nước	6.209	30.847.587	308.475.870.000	6,88%
II. Nước ngoài:	**108**	**16.569.523**	**165.695.230.000**	**3,70%**
1. Tổ chức nước ngoài:	41	16.339.123	163.391.230.000	3,65%
2. Cá nhân nước ngoài:	67	230.400	2.304.000.000	0,05%
Tổng cộng:	**6.354**	**448.350.000**	**4.483.500.000.000**	**100,00%**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2024, Tổng Công ty Viglacera - CTCP không có sự thay đổi vốn điều lệ.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Năm 2024, Tổng Công ty Viglacera - CTCP không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác:

Năm 2024, Tổng Công ty Viglacera - CTCP không phát hành chứng khoán ra thị trường.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Các đơn vị chuyển đổi dần sang sử dụng nhiên liệu sạch (khí thiên nhiên, LPG ...) hoặc được đầu tư chiều sâu nâng cao hiệu suất sử dụng nhiên liệu, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Các KCN của Tổng công ty đều được đầu tư đồng bộ hạ tầng đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật chặt chẽ liên quan đến bảo vệ môi trường đối với đầu tư kinh doanh KCN; Ngành nghề kinh doanh đầu tư trong KCN chủ yếu là công nghiệp sạch. Do đó, hạn chế tối đa phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm/dịch vụ

Nguyên liệu chính sử dụng sản xuất Vật liệu xây dựng là cát, đất sét trắng, feldspar, dolomite... và một số nguyên liệu nhập khẩu. Đối với các nguyên liệu trong nước được cung cấp từ các nhà sản xuất trong nước (có mỏ và được chế biến), được nhập theo nhu cầu sản xuất, dự trữ trong khoảng thời gian hợp lý. Mặt khác, Tổng công ty cũng đã có đơn vị được cấp phép khai thác, chế biến nguyên liệu feldspar, cát.

b. Về việc nguyên vật liệu tái chế được sử dụng sản xuất:

Về cơ bản nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất là đặc thù; chủ yếu sử dụng phế phẩm quay vòng sử dụng cho phối liệu để sản xuất, hạn chế tối đa chất thải rắn. Trong định hướng phát triển xanh của Tổng công ty, Viglacera đã và đang nghiên cứu phát triển các sản phẩm "xanh", "thân thiện môi trường" trong đó có sử dụng các nguyên liệu là phế phẩm của các nhà máy công nghiệp (ví dụ: nghiên cứu tro/xỉ, tro bay của các nhà máy nhiệt điện để sản xuất sản phẩm bê tông khí chưng áp).

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng sử dụng trực tiếp cho hoạt động SXKD của Tổng công ty là nhiên liệu. Với mục tiêu phát triển bền vững, "xanh" và thân thiện môi trường, các Nhà máy sản xuất của Viglacera đã triển khai các giải pháp chuyển đổi sang sử dụng các nhiên liệu sạch, các giải pháp thu hồi... giảm tác động môi trường và tiết kiệm chi phí.

Đối với sử dụng điện: Chủ yếu cho vận hành các thiết bị sản xuất và sử dụng văn phòng. Theo đó, bố trí phân ca hợp lý, giảm thiểu sử dụng trong giờ cao điểm để tiết giảm điện năng.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Như trên đã phân tích, Viglacera đã và đang triển khai tích cực các giải pháp để tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả không chỉ trong hoạt động sản xuất mà còn nghiên cứu đầu tư phát triển các sản phẩm tiết kiệm năng lượng. Theo đó, một số các giải pháp/sản phẩm đã và đang triển khai như:

- Đầu tư cho nghiên cứu, mua sắm, cải tiến công nghệ/thiết bị hiện đại
- Nghiên cứu, đầu tư phát triển sản xuất các dòng sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

Như trên đã đề cập, trong quá trình hoạt động cũng như định hướng, chiến lược phát triển bền vững của Tổng công ty, Viglacera liên tục nghiên cứu và triển khai các giải pháp/đề tài nghiên cứu/sáng kiến khoa học công nghệ, kỹ thuật kết hợp với việc hợp tác quốc tế để thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng hiệu quả: kính tiết kiệm năng lượng, kính siêu trắng, bê tông khí.

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước cho sản xuất và văn phòng được sử dụng do các Công ty sản xuất chuyên ngành cung cấp. Nước sản xuất tại các nhà máy chiếm tỷ trọng nhỏ về lượng và chi phí trong tổng chi phí sản xuất, đồng thời được tối đa tuần hoàn sử dụng, giảm thiểu tối đa xả thải ra ngoài, nước thải đều được qua trạm xử lý. Trong các năm gần đây, Tổng công ty Viglacera đã thực hiện đầu tư/vận hành các Nhà máy/Trạm xử lý và sản xuất nước sạch từ nguồn nước mặt (sông), hạn chế và tiến dần đến việc không khai thác nước ngầm, tiết kiệm tài nguyên và ảnh hưởng đến địa chất công trình.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Như trên đã thuyết minh, về cơ bản toàn bộ nước sử dụng cho sản xuất tại các nhà máy của Viglacera đều được xử lý tuần hoàn sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nước thải chủ yếu

là nước thải sinh hoạt (hoạt động của văn phòng), được xử lý và xả thải ra hệ thống thoát chung của KCN và/hoặc địa phương đảm bảo yêu cầu môi trường.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2024, Viglacera không có các vi phạm lớn, trọng yếu do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường của nhà nước.

6.6. Thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng người lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng công ty Viglacera - CTCP (Công ty mẹ) là 1.556 người. Thu nhập bình quân năm 2024 của người lao động tại Tổng công ty Viglacera - CTCP (Công ty mẹ) khoản 20 triệu đồng/người/tháng.

b. Thực hiện các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Tại Viglacera nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm, công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương thưởng và đãi ngộ; tuyển dụng, đào tạo và phát triển đang từng bước được hoàn thiện, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác như đã phân tích, thuyết minh tại Khoản 2.4 Phần II.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác đào tạo nguồn nhân lực luôn được chú trọng và triển khai kế hoạch hằng năm/kế hoạch dài hạn tại từng đơn vị thành viên đến Công ty Mẹ - Tổng công ty:

- Với khung chương trình đào tạo có tính tổng thể cho toàn hệ thống; phát triển thành các khóa học phù hợp từng mảng chủ đề theo từng đối tượng và trình độ phù hợp.

- Công tác đào tạo nội bộ cũng rất được chú trọng, việc đào tạo, huấn luyện được thực hiện hàng ngày tại vị trí làm việc cho người lao động tích lũy kinh nghiệm. Mặt khác, Viglacera luôn có các chính sách tài trợ chi phí đào tạo và gắn liền với trách nhiệm gắn bó của người lao động với doanh nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động của Viglacera luôn gắn liền trách nhiệm đối với cộng đồng, tuân thủ và phù hợp với các chính sách an sinh xã hội của nhà nước, trong đó::

- Tiên phong trong việc phát triển các vật liệu "xanh", thân thiện môi trường, giúp tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và sử dụng.

- Phát triển bất động sản hướng về người thu nhập thấp, đầu tư vào những công nghệ đi tắt đón đầu, giúp tối ưu hóa sản xuất và thân thiện môi trường. Theo đó, các khu nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp tiêu biểu với hạ tầng đồng bộ, được Chính phủ, Bộ Xây Dựng đánh giá cao và trao tặng nhiều giải thưởng cho các khu nhà ở của Tổng công ty.

- Đồng thời, các hoạt động thể thiện trách nhiệm với cộng đồng, với các địa phương được gắn liền với các hoạt động từ thiện, các chương trình hỗ trợ trực tiếp. Tổng công ty đã triển khai Gói tài trợ 50 tỷ đồng bằng các loại vật liệu xây dựng như gạch ốp lát, sứ vệ sinh, sen vòi, kính xây dựng cho các địa phương đang gặp khó khăn. Đồng thời, vận động cán bộ, đoàn viên, công nhân lao động trong toàn Tổng công ty ủng hộ các quỹ nhân đạo từ thiện tại địa phương, ủng hộ gia đình các CBCNV trong đơn vị có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ các hoạt động cứu trợ, ủng hộ cho các địa phương/người dân bị ảnh hưởng của bão Yagi, quỹ vì người nghèo...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Trong năm 2024, Tổng Công ty Viglacera – CTCP không phát hành trái phiếu (do đó không tham gia vào hoạt động thị trường vốn xanh).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tổng công ty (Theo kết quả đã được kiểm toán bởi bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	%TH/ KH
1. Lợi nhuận trước thuế				
+ Tổng công ty - CTCP (theo BCTC hợp nhất)	tỷ đồng	1.110	1.630	147%
+ Công ty Mẹ (theo BCTC riêng)	tỷ đồng	1.100	1.481	135%
2. Tổng doanh thu				
+ Tổng công ty -CTCP (theo BCTC hợp nhất)	tỷ đồng	13.353	11.906	89%
+ Công ty Mẹ (theo BCTC riêng)	tỷ đồng	4.939	3.935	80%
3. Thực hiện đầu tư công ty mẹ		2.880	2.022	70%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	tỷ đồng	*610*	*300,3*	*49%*
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	tỷ đồng	*1.711*	*1.677,2*	*98%*
+ Lĩnh vực vật liệu và NCPT, đào tạo	tỷ đồng	*559*	*44,5*	*8%*
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	tỷ đồng	4.483,5	4.483,5	100%
5. Chia cổ tức bằng tiền (% vốn điều lệ 4.483,5 tỷ đồng)	%	20%	22% (dự kiến)	

Mặc dù năm 2024 được đánh giá là năm rất khó khăn cho các doanh nghiệp, tuy nhiên với kết quả đạt được nêu trên, Tổng công ty Viglacera-CTCP hoạt động vẫn có hiệu quả. Lợi nhuận hợp nhất và Công ty Mẹ vượt Kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến) cao hơn 2% so với mục tiêu cam kết với ĐHĐCĐ. Đây cũng là điều kiện để tạo nguồn lực cần thiết để đầu tư mở rộng, đảm bảo tốc độ tăng trưởng và phát triển bền vững trong các năm tiếp theo; duy trì vị thế là doanh nghiệp tiên phong trong ngành vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản tại Việt Nam.

Trong đó, năm 2024 Tổng công ty có các sự kiện nổi bật như:

- Công bố "Hệ sinh thái VLXD xanh, đồng bộ cho mọi công trình" đi đôi với chuỗi hoạt động hợp tác chuyên ngành Kiến trúc – Xây dựng;

- Công bố phát triển KCN xanh và thông minh Thuan Thanh Eco Smart IP;

- Được Chính Phủ chấp thuận chủ trương đầu tư 3 Khu công nghiệp mới với quy mô 839 ha: Sông Công II Giai đoạn 2 (296 ha tại Thái Nguyên); Dốc Đá Trắng (288 ha tại Khánh Hoà) và KCN Trấn yên (255 ha tại Yên Bái).

- Ra mắt sản phẩm Đá nung kết vân trong xương;

- Sản xuất thành công sản phẩm Sen vòi phủ PVD;

- Sản xuất Sứ vệ sinh trên thiết bị băng áp lực;

- Khánh thành Khách sạn 5 sao Angsana Quan Lạn;

- Tổ chức thành công lễ kỷ niệm 50 năm thành lập TCT;

- Triển khai Gói tài trợ 50 tỷ đồng bằng các loại vật liệu xây dựng như gạch ốp lát, sứ vệ sinh, sen vòi, kính xây dựng cho các địa phương đang gặp khó khăn.

1.2. Kết quả hoạt động các lĩnh vực của Tổng công ty

1.2.1. Lĩnh vực vật liệu

Năm 2024, lĩnh vực vật liệu (bao gồm khối sản xuất và khối thương mại) chịu ảnh hưởng tác động lớn từ các yếu tố thị trường, mức độ cạnh tranh, tỷ giá và giá đầu vào gia tăng… theo đó, giá bán nhìn chung giảm, chi phí dừng sản xuất tăng cao, đã làm giảm hiệu quả của tất cả các nhóm sản

phẩm. Hiệu quả hoạt động của toàn lĩnh vực có lỗ phát sinh, tuy nhiên đã giảm lỗ so với năm 2023. Doanh thu đạt trên 9.200 tỷ đồng, bằng 89% mục tiêu kế hoạch và bằng 97% so với năm 2023.

a. Nhóm sản phẩm kính:

Tổng doanh thu đạt trên 3.100 tỷ đồng bằng 92% so với năm 2023. Nhu cầu thị trường sụt giảm, cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu, giá bán giảm sâu là yếu tố làm giảm hiệu quả. Các đơn vị sản xuất phải vận hành linh hoạt nhằm hạn chế gia tăng tồn kho và giảm áp lực dòng tiền SXKD.

b. Nhóm sản phẩm sứ vệ sinh, sen vòi – thương mại:

Tổng doanh thu đạt xấp xỉ 950 tỷ đồng, bằng 86% so với năm 2023. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm sứ vệ sinh gặp nhiều khó khăn, nhu cầu được đánh giá giảm 15-20% so với năm 2023. Các đơn vị đã tập trung thực hiện cơ cấu lại danh mục sản phẩm, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực, chất lượng; đồng thời tập trung tiêu thụ tồn kho, thu hồi dòng tiên, tới thời điểm 31/12/2024, giá trị tồn kho giảm 51% và công nợ phải thu của khách hàng giảm 24% so với đầu năm..

c. Nhóm sản phẩm Gạch Ốp lát – kinh doanh:

Lãi trước thuế đạt trên 100 tỷ đồng, bằng 5 lần thực hiện năm 2023; Tổng doanh thu đạt gần 3.900 tỷ đồng bằng 105% so với năm 2023. Đây là nhóm sản phẩm có lợi nhuận và hiệu quả cao nhất trong lĩnh vực vật liệu. Trong 6 tháng cuối năm, khi thị trường bắt đầu có dấu hiệu khởi sắc, các đơn vị đã nắm bắt và chủ động, linh hoạt trong sản xuất, phát triển các mẫu/bộ sản phẩm mới kết hợp với đầu tư chiều sâu giảm chi phí sản xuất (chuyển đổi và nâng cao hiệu suất sử dụng nhiên liệu), theo đó gia tăng được hiệu quả.

d. Nhóm sản phẩm gạch ngói đất sét nung:

Tổng doanh thu đạt trên 1.200 tỷ đồng, bằng 92% thực hiện năm 2023. Năm 2024 tiếp tục là năm khó khăn khi thị trường sản phẩm gạch ngói đất sét nung , nhu cầu giảm sút kéo dài đã làm ảnh hưởng sâu tới kết quả SXKD, bên cạnh đó là nhóm chịu ảnh hưởng trực tiếp cơn bão Yagi, chi phí thiệt hại lớn; Nguồn nguyên liệu cạn kiệt, chi phí sản xuất ở mức cao (Than, LPG)… các đơn vị đã phải chủ động thu hẹp sản xuất, lựa chọn phương án kinh doanh hợp lý để duy trì công việc cho đội ngũ người lao động và đảm bảo nhu cầu dòng tiền..

1.2.2. Lĩnh vực bất động sản:

Lãi trước thuế đạt trên 1.900 tỷ đồng, đạt 140% KH năm; Doanh thu lĩnh vực đạt trên 5.200 tỷ đồng. Lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp đạt hiệu quả cao, góp phần quan trọng cho Công ty Mẹ hoàn thành vượt kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Trong năm 2024 nhờ sự thay đổi lớn trong hệ thống pháp lý liên quan đến thị trường bất động sản (với các dự án luật sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh BĐS) đã trợ lực cho các doanh nghiệp Bất động sản trong nước, góp phần tháo gỡ và đẩy nhanh tiến độ thi công, kinh doanh các dự án. Theo đó, Tổng công ty tập trung đầu tư tại các dự án đang triển khai; thực hiện nghiên cứu chuẩn bị đầu tư, phát triển mở rộng quỹ đất tại các địa bàn mới.

- Hạ tầng khu công nghiệp: Tập trung các dự án khu công nghiệp KCN Yên Phong IIC, KCN Thuận Thành, KCN Phú Hà, KCN Tiền Hải, KCN Phong Điền...; hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án nước tại các KCN. Đồng thời, xúc tiến triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án mới, trong đó 03 dự án đã được Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư là KCN Sông Công 2 - GĐ 2 (Thái Nguyên); KCN Dốc Đá Trắng (Khánh Hoà) và KCN Trấn Yên (Yên Bái), dự kiến khởi công trong năm 2025.

- Nhà ở: Hoàn thành và đưa vào sử dụng các khu nhà chung cư tại các Dự án gồm Nhà ở công nhân KCN Đông Mai, Nhà ở xã hội KCN Phú Hà Nhà ở xã hội 9,8ha Yên Phong, Nhà ở công nhân KCN Đồng Văn IV. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu phát triển các dự án mới, trong đó 03 dự án trọng điểm tại Trấn Yên (Yên Bái), Phú Hà (Phú Thọ) và Tiền Hải (Thái Bình).

- Xúc tiến tìm kiếm các dự án mới (Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ) trên địa bàn các tỉnh: Bắc Ninh, Thái Nguyên, Yên Bái, Tuyên Quang, Lào Cai, Hưng Yên, Lạng Sơn, Khánh Hòa...

1.2.3. Hoạt động đầu tư tại nước ngoài

- Công ty SanVig-CTCP (Nhà máy Sứ vệ sinh và Nhà máy gạch ốp lát ceramic): Tình trạng thiếu điện, nhiên liệu, dầu đã liên tục làm gián đoạn sản xuất của Nhà máy. Công ty cũng đã chủ động khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động, trong năm 2024 có lợi nhuận.

- Công ty ViMariel - CTCP: Cơ bản hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất sạch đủ điều kiện phục vụ kinh doanh (hiện đã có 5 nhà đầu tư thứ cấp thuê).

1.2.4. Hoạt động quản lý điều hành của Tổng công ty Viglacera - CTCP

Triển khai thực hiện kế hoạch và lộ trình tái cơ cấu, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty thông qua:

a. Công tác tái cơ cấu

- Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera - CTCP theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 và Quyết định số 158/TTg-DNDN ngày 2/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo của Bộ Xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan. Theo đó thời điểm thẩm định giá là 30/6/2024, đến nay đơn vị tư vấn định giá đã triển khai công tác định giá thực tế, hoàn thành dự thảo báo cáo định giá tại các đơn vị, tiếp tục rà soát tổng hợp báo cáo định giá của Công ty Mẹ.

- Thực hiện lộ trình tăng vốn, thoái vốn Tổng công ty tại các công ty thành viên:

+ Hoàn thành góp vốn thực hiện tăng vốn tại Công ty ViMariel-CTCP; Triển khai thủ tục tăng vốn tại CTCP Viglacera Thái Nguyên, dự kiến thực hiện trong quý 3/2025;

+ Triển khai các thủ tục thành lập và đầu tư góp vào CTCP Viglacera Phú Thọ, CTCP mới tại Lạng Sơn, Hưng Yên;

+ Tiếp tục thực hiện đàm phán, triển khai các thủ tục để tăng tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG) nhằm đạt mức chi phối trở lên.

b. Công tác quản trị sản xuất và kinh doanh

- Triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch ngay từ đầu năm 2024. Theo dõi, bám sát diễn biến của thị trường để có chính sách kinh doanh phù hợp, linh hoạt trong điều hành sản xuất; Thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất thông qua ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa.

- Duy trì công tác kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm, nguyên liệu đầu vào để kịp thời có giải pháp khắc phục những tồn tại. Trong năm 2024 TCT đã triển khai sản xuất sản phẩm sứ vệ sinh trên băng áp lực, đá nung kết vân trong xương, sen vòi phủ PVD. Nghiên cứu thực hiện các đề tài khoa học và hỗ trợ các Ban trong công tác quản trị công nghệ, môi trường, tự động hóa

- Công tác thị trường và phát triển thương hiệu:

+ Thị trường nội địa: Tập trung các nguồn lực cho công tác phát triển thị trường, củng cố và phát triển mở rộng hệ thống đại lý/cửa hàng song song phát triển thương mại điện tử; Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu của Tổng công ty; Đẩy mạnh công tác R&D, kiểm soát chất lượng để nâng cao năng lực cạnh tranh; Đẩy mạnh các hoạt động thương mại, truyền thông, tiếp cận tối đa tới khách hàng.

+ Thị trường xuất khẩu: Tập trung nhiều nguồn lực để phát triển thị trường; tìm kiếm các đối tác xuất khẩu mới, đặc biệt thị trường Mỹ và Châu Âu, gia tăng cả về sản lượng và giá trị xuất khẩu, tham dự các triển lãm VLXD lớn của Quốc tế (Triển lãm Tise và Coverings tại Mỹ). Theo đó, năm 2024 doanh số xuất khẩu đạt 46,6 triệu USD (cao nhất từ trước tới nay), trong đó gạch ốp lát Viglacera đã vào được các công trình quan trọng tại Mỹ (Tòa nhà Quốc hội).

+ Tham gia và đạt các giải thưởng thương hiệu uy tín quốc gia và quốc tế; Duy trì công tác rà soát việc bảo hộ nhãn hiệu; Phối hợp các đơn vị, các cơ quan chức năng xử lý và ngăn chặn hàng giả, hàng nhái thương hiệu Viglacera.

- Tiếp tục kiện toàn công tác điều hành quản lý Tổng công ty với việc điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện các Quy chế quản trị nội bộ , đầu tư và quản trị tài chính, nâng cao chất lượng công tác kiểm soát, điều hành, phù hợp để đáp ứng các tiêu chuẩn về quản trị.

2. Tình hình tài chính:

Năm 2024, tình hình tài chính của Công ty Mẹ tiếp tục được cân đối và lành mạnh hóa; sử dụng và bảo toàn vốn hiệu quả. Đồng thời, với tăng trưởng lợi nhuận vượt kế hoạch, nâng cao được lợi ích cổ đông, nâng cao uy tín và vị thế của Tổng công ty.

a. Công tác nguồn vốn và dòng tiền

- Đảm bảo nguồn vốn cho các dự án trọng điểm của Tổng Công ty; Chuẩn bị các hồ sơ, các bước thủ tục trong việc tăng vốn, thoái vốn tại một số các đơn vị.

- Thực hiện lành mạnh hóa tài chính tại Công ty Mẹ và các đơn vị trên cơ sở xây dựng lộ trình và kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, dư nợ phải thu thông qua công tác thực hiện kiểm kê định kỳ, đối chiếu công nợ thường xuyên và định kỳ để phòng ngừa thất thoát có thể xảy ra.

b. Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty mẹ là 16.746 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 7.963 tỷ đồng. Năm 2024, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) của Công ty mẹ là 7,5%.

Toàn bộ tài sản cố định được quản lý, sử dụng và trích khấu hao tuân thủ quy định của nhà nước và quy định nội bộ của Tổng công ty.

c. Tình hình công nợ

Toàn bộ các khoản công nợ phải thu của Tổng công ty đều mở sổ chi tiết theo dõi nợ phải thu đến từng khách hàng, thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ trong hạn, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi) đồng thời đôn đốc thu hồi công nợ phải thu, tổ chức kiểm kê đối chiếu vào giữa năm và cuối năm tài chính để đánh giá hiệu quả quản trị các khoản phải thu. Các khoản công nợ khó đòi đã được rà soát và trích lập dự phòng.

Tại ngày 31/12/2024, Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ đạt 1,1 lần, Hợp nhất toàn Tổng công ty đạt 1,49 lần, đảm bảo mức độ an toàn tài chính cao. Cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn/dài hạn được duy trì ở mức độ hợp lý, trong đó dư nợ vay của Công ty mẹ là 1.014 tỷ đồng và của toàn Tổng công ty là 4.812 tỷ đồng, tăng mạnh so với thời điểm đầu năm chủ yếu do đẩy mạnh triển khai thủ tục vay vốn để bổ sung dòng tiền đầu tư các dự án mới thay thế cho vốn tự có, đảm bảo sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính. Toàn bộ các khoản nợ phải trả được Tổng công ty mở sổ sách kế toán theo dõi đầy đủ và quản lý chặt chẽ các khoản nợ phải trả tuân theo quy định hiện hành của nhà nước, quy chế quản lý nợ của Tổng công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục triển khai tăng cường phân cấp quản lý về SXKD theo các lĩnh vực, hình thành các Ban chuyên quản - trong đó có các Công ty sản xuất và Công ty kinh doanh thương mại nhằm phát huy hiệu quả của từng lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu và nâng cao công tác quản trị, tập trung nguồn lực.

Kết quả hoàn thành kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một cơ sở để đánh giá, xếp loại Người đại diện phần vốn, Giám đốc các đơn vị và khen thưởng các đơn vị hoàn thành tốt các chỉ tiêu. Các năm tiếp theo, Tổng công ty sẽ tiếp tục rà soát quy hoạch nguồn, đánh giá, luân chuyển cán bộ phù hợp với định hướng dài hạn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát các Mục tiêu và Chiến lược phát triển của Tổng công ty được nêu tại Mục 4 Phần I. Theo đó, năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng do những biến động địa chính trị vẫn còn

nhiều diễn biến khó lường. Các yếu tố như phát triển bền vững, công nghệ mới và nhu cầu công trình chống chịu thiên tai sẽ là xu hướng cho cả thị trường trong và ngoài nước.

Với kinh tế Việt Nam: được đánh giá vẫn có được tốc độ tăng trưởng, thu hút đầu tư nước ngoài. Thị trường bất động sản được kỳ vọng sẽ bước vào giai đoạn ổn định, tăng trưởng bền vững hơn với nhiều cơ hội cho cả nhà đầu tư và người mua ở thực, trong đó các phân khúc dẫn dắt thị trường sẽ tập trung vào chung cư trung cấp, nhà ở xã hội và BĐS khu công nghiệp... theo đó thị trường vật liệu dự kiến sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào nhu cầu cao từ các ngành xây dựng, bất động sản và cơ sở hạ tầng. Đồng thời, hiệu ứng từ những chính sách hỗ trợ sản xuất và hỗ trợ xuất khẩu của Chính Phủ, các hiệp định thương mại .. cũng là các yếu tố tạo cơ hội phát triển cho lĩnh vực.

Các chỉ tiêu chính tạm thời của Kế hoạch năm 2025 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	%KH 2025/ KH 2024
1. Lợi nhuận trước thuế				
+ Tổng công ty - CTCP (theo BCTC hợp nhất)	tỷ đồng	1.110	1.743	157%
+ Công ty Mẹ (theo BCTC riêng)	tỷ đồng	1.100	1.423	129%
2. Tổng doanh thu thuần				
+ Tổng công ty -CTCP (theo BCTC hợp nhất)	tỷ đồng	13.353	14.437	108%
+ Công ty Mẹ (theo BCTC riêng)	tỷ đồng	4.939	5.579	113%
3. Thực hiện đầu tư công ty mẹ		2.880	1.850	64%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	tỷ đồng	*610*	*580*	95%
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	tỷ đồng	*1.711*	*1.237*	72%
+ Lĩnh vực vật liệu và NCPT, đào tạo	tỷ đồng	*559*	*33*	6%
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	tỷ đồng	4.483,5	4.483,5	100%
5. Chia cổ tức bằng tiền (% vốn điều lệ 4.483,5 tỷ đồng)	%	20%	22%	110%

Các nhiệm vụ trọng tâm của Tổng công ty trong năm 2025 như sau:

1) Tập trung triển khai công tác thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera - CTCP theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 và Quyết định số 158/TTg-DNDN ngày 02/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo của Bộ Xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan, lộ trình triển khai trong giai đoạn 2024-2025.

2) Phối hợp với đơn vị Tư vấn xây dựng Chiến lược tổng thể của Tổng công ty.

3) Tập trung công tác phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Tổ chức xây dựng mới chính sách phát triển thị trường, mô hình tổ chức, đào tạo, tuyển dụng đội ngũ bán hàng phù hợp với từng lĩnh vực sản phẩm của Tổng công ty.

4) Vận hành sản xuất theo trên cơ sở đánh giá thị trường, đặt hàng của đơn vị thương mại/kinh doanh; Tập trung nghiên cứu lựa chọn các mẫu mã sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường; Tập trung phát triển các dòng sản phẩm mới, tập trung đẩy mạnh vào dòng sản phẩm thuộc phân khúc giá rẻ/ giá trung bình và hàng xuất khẩu.

5) Triển khai khảo sát, lập phương án tổng thể và từng bước triển khai ứng dụng ERP vào quản lý điều hành hoạt động của các đơn vị phụ thuộc, công ty Mẹ và của toàn Tổng công ty.

6) Tiếp tục triển khai và hoàn thành thủ tục thành lập, góp vốn, tăng vốn tại các Công ty đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua; Đàm phán, triển khai các thủ tục để tăng tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG) nhằm đạt mức chi phối trở lên.

7) Triển khai Kế hoạch đầu tư phát triển của Tổng công ty, đảm bảo mục tiêu năm 2025 và định hướng phát triển lâu dài, bền vững của Tổng công ty.

5. Giải trình BGĐ với ý kiến kiểm toán nếu có:

Ý kiến chấp nhận toàn phần

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

Các nội dung này được thuyết minh tại Mục 6 Phần II. Tình hình thực hiện năm 2024

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty

Đứng trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước, có những ảnh hưởng bất lợi, khó khăn những cũng xuất hiện những cơ hội và điều kiện thuận lợi, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/TCT-NQĐHCĐ ngày 29/5/2024, chủ động nắm bắt tình hình, xác định cụ thể các giải pháp điều hành trong 2 lĩnh vực hoạt động cốt lõi là lĩnh vực vật liệu xây dựng và lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản. Theo đó:

Lĩnh vực vật liệu: Năm 2024 tiếp tục với những thách thức không nhỏ là áp lực cạnh tranh gia tăng trong từng nhóm sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nhập khẩu tại các nhóm sản phẩm kính, sứ vệ sinh có số lượng lớn, khó kiểm soát về chất lượng và giá bán; đồng thời nhu cầu thị trường trong 6 tháng đầu năm suy giảm do ảnh hưởng từ kinh tế - xã hội trong nước cũng như thế giới, giá bán giảm sâu và biến động giá nhiên liệu, tỷ giá ngoại tệ tăng mạnh làm tăng chi phí đầu vào. Do đó, tiêu thụ và giá bán giảm, tồn kho tăng, thời gian phải dừng sản xuất kéo dài hơn so với kế hoạch.

Tuy nhiên, cũng là điều kiện để lĩnh vực vật liệu rà soát, đánh giá triển khai điều chỉnh cơ cấu sản phẩm nhằm khai thác tối đa những lợi thế cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; theo đó xây dựng và triển khai "Hệ sinh thái vật liệu xây dựng xanh, đồng bộ cho mọi công trình" thực hiện phát triển các mẫu mã sản phẩm đạt tiêu chuẩn và đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu.

Lĩnh vực bất động sản

Lĩnh vực Bất động sản thuộc Công ty Mẹ vẫn tiếp tục thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, đi đầu trong việc duy trì hiệu quả, góp phần quan trọng cho Công ty Mẹ hoàn thành kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua; đặc biệt bất động sản khu công nghiệp tiếp tục có hiệu quả tốt. Năm 2024, Tổng công ty tiếp tục tập trung triển khai đầu tư hạ tầng đồng bộ tại các KCN hiện có, đáp ứng yêu cầu đất sạch cho công tác kinh doanh; triển khai giải pháp đầu tư phát triển KCN xanh và thông minh (thí điểm tại KCN Thuận Thành), từng bước thực hiện tại các dự án KCN mới, KCN hiện có, gia tăng tiện tích và lợi thế cạnh tranh, thu hút nhà đầu tư thứ cấp tại các KCN của Tổng công ty.

Tiếp tục kế hoạch mở rộng quỹ đất phát triển các dự án mới trong lĩnh vực KCN và nhà ở xã hội/nhà ở công nhân trọng điểm tại các KCN. Theo đó, trong năm 2024, Tổng công ty đã được Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư của 03 KCN là Sông Công GĐ2 (Thái Nguyên), Trấn Yên (Yên Bái), Dốc Đá trắng (Khánh Hòa) với tổng quy mô ~ 839 ha, dự kiến sẽ được khởi công trong năm 2025.

Như vậy, năm 2024 Tổng công ty Viglacera-CTCP đã hoàn thành vượt mục tiêu lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, duy trì dòng tiền ổn định, đảm bảo cân đối cho hoạt động SXKD và đầu tư, thể hiện qua các chỉ tiêu hiệu quả đã được trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng giám đốc và đánh giá về các công việc chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả hoạt động

Tổng quan kết quả thực hiện các chỉ tiêu hiệu quả Tổng công ty đã đạt và vượt mục tiêu kế hoạch. Tuy nhiên, như các đánh giá giá nêu trên và tại Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc, cho thấy:

- Lĩnh vực vật liệu chưa có kết quả hoạt động tốt, còn lỗ phát sinh, lợi thế cạnh tranh chưa đáp ứng khi thị trường có biến động mạnh, xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan như: Công tác quản lý, điều hành tại một số đơn vị chưa nắm bắt kịp thời với những diễn biến thay đổi của tình hình thực tế; Công tác phân tích, đánh giá thị trường chưa tốt dẫn đến việc định vị sản phẩm/thị trường cho sản xuất kinh doanh chưa đạt hiệu quả và mục tiêu đề ra; Công tác phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu, sự phát triển nguồn lực còn chậm so với tốc độ đầu tư phát triển của Tổng công ty.

- Lĩnh vực bất động sản: Hoạt động có hiệu quả tốt, cần tiếp tục phát huy hiệu quả trên cơ sở có

định hướng và giải pháp, nguồn lực khả thi để triển khai.

Theo đó, tập trung xây dựng Chiến lược tổng thể và Kế hoạch tái cơ cấu toàn diện trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

1.2. Công tác tái cơ cấu và quản trị

Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng vốn, thoái vốn theo Kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 02/TCT-NQĐHCĐ ngày 29/05/2024. Theo đó, công tác tăng/thoái vốn tại các đơn vị thành viên đã được triển khai thực hiện được nêu chi tiết tại Báo cáo của Ban Tổng giám đốc. Tuy nhiên lộ trình thoái vốn tại các Công ty trong nhóm Gạch ngói đất sét nung chưa đạt tiến độ đặt ra do vướng mắc các thủ tục xác định giá trị doanh nghiệp và các thủ tục liên quan đến quy hoạch, chuyển đổi ...

Tiếp tục duy trì ký kết hợp đồng sử dụng các dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp theo chuẩn thông lệ quốc tế do các công ty kiểm toán trong nhóm Big 4; phát huy vai trò của bộ phận kiểm toán nội bộ, nâng cao công tác kiểm soát đối với hoạt động của Tổng công ty và nâng cao chất lượng quản trị. Đối với các đơn vị có kết quả hoạt động kinh doanh chưa đạt kế hoạch, Tổng công ty đã thực hiện rà soát tổng thể, xây dựng và triển khai phương án tái cơ cấu toàn diện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị. Song song, tiếp tục rà soát các quy chế quản trị nội bộ đã ban hành, lập kế hoạch và triển khai điều chỉnh hoàn thiện để phù hợp với cơ cấu vốn, thực tế hoạt động và nâng cao công tác kiểm soát của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn của Công ty mẹ

Việc quản lý, sử dụng vốn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đảm bảo việc đầu tư, sử dụng vốn đúng nguồn, đúng quyền hạn và đảm bảo hiệu quả tối ưu; cổ tức chi trả cho các cổ đông năm 2024 dự kiến là 22%, vượt kế hoạch đề ra của ĐHĐCĐ thường niên.

Vốn điều lệ của Tổng công ty đến ngày 31/12/2024 là 4.483,5 tỷ đồng. Trong đó, Cổ đông nhà nước do Bộ Xây dựng làm chủ sở hữu là 1.729,85 tỷ đồng, chiếm 38,58% vốn điều lệ; các Cổ đông khác là 2.753,65 tỷ đồng, chiếm 61,42% vốn điều lệ (trong đó Cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex sở hữu 50,21%).

1.4. Tình hình và khả năng thanh toán nợ

- Tình hình quản lý nợ phải thu: Toàn bộ các khoản công nợ phải thu của Tổng công ty đều mở sổ chi tiết theo dõi nợ phải thu từng khách hàng, thường xuyên đôn đốc thu hồi công nợ phải thu, tổ chức kiểm kê đối chiếu vào giữa năm và cuối năm tài chính để đánh giá hiệu quả quản trị các khoản phải thu.

- Toàn bộ các khoản nợ phải trả theo từng đối tượng chi tiết gồm: Các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn (bao gồm lãi phải trả tương ứng), phải trả nhà cung cấp, phải trả nội bộ, người mua ứng tiền trước và phải trả khác được Tổng công ty mở sổ sách kế toán theo dõi đầy đủ. Những khoản nợ phải trả thường xuyên được đối chiếu, xác nhận và không có thắc mắc nào phát sinh từ phía các khách nợ phải trả đối với Tổng công ty.

1.5. Đối với đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

Hội đồng quản trị đồng thuận với nội dung báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc được nêu tại Mục 6 Phần II của Báo cáo này.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

2.1. Điều hành sản xuất kinh doanh

Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt trong công tác điều hành mọi mặt về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra; đặc biệt là chỉ tiêu hiệu quả. Đã phân công cụ thể cho từng cá nhân phụ trách từng lĩnh vực, đề cao tính tự chủ và phát huy thế mạnh của từng Phó Tổng giám đốc, nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực được phân công. Ban Tổng giám đốc đã chấp hành tốt các chế độ chính sách của pháp luật.

2.2. Phối hợp hoạt động

Giữa Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động của Tổng công ty, cùng họp trao đổi và kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo.

Tổng giám đốc đã chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các thuận lợi khó khăn, những vướng mắc và tồn tại trong việc điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác để cùng Hội đồng quản trị bàn và đưa ra các giải pháp cần thiết.

2.3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Hệ thống kiểm tra giám sát đã được xây dựng từ Công ty mẹ cho tới các đơn vị thành viên của Tổng công ty. Hệ thống kiểm soát bao gồm Ban kiểm soát Tổng công ty, Bộ phận kiểm toán nội bộ, Phòng kiểm soát nội bộ Tổng công ty, Ban kiểm soát các đơn vị có vốn góp Tổng công ty; Cập nhật thông tin để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, phân tích hàng tháng, quý, đánh giá các rủi ro để góp ý cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành.

- Giám sát Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp hàng quý hoặc đột xuất đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác, trao đổi thẳng thắn với Ban Tổng giám đốc, những việc đã đạt được và chưa được theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty. Ban kiểm soát tham gia họp giao ban, cùng trao đổi mọi vấn đề của Tổng công ty, các ý kiến của Ban kiểm soát được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở để đưa ra quyết định, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc yêu cầu Người đại diện quản lý vốn góp Tổng công ty, Người tham gia Ban kiểm soát tại các công ty phải báo cáo thường xuyên kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, tồn tại ở các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty để đưa ra công tác chỉ đạo kịp thời.

3. Các định hướng và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Đồng thuận với những đánh giá nhận định về các khó khăn, ảnh hưởng cũng như các cơ hội, điều kiện thuận lợi trong năm 2025 của Ban Tổng giám đốc; Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển trung hạn đặt ra, tiếp tục xây dựng và phát huy thương hiệu Viglacera trên cả 2 lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản; Tập trung thêm nguồn lực tài chính, phát huy nguồn nhân lực sẵn có của Viglacera, các tài sản máy móc thiết bị, các quỹ đất hiện có … để phát triển Tổng công ty Viglacera ngày càng ổn định, phát triển bền vững.

Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng giám đốc xem xét đánh giá đã thống nhất các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD năm 2025 để thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty, đồng thời giao Kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc, Người đại diện phần vốn Tổng công ty làm cơ sở tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tại các đơn vị; với các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch năm 2025 chủ yếu như sau:

3.1. Mục tiêu của các chỉ tiêu chính tạm thời năm 2025

- Lợi nhuận trước thuế: Công ty Mẹ đạt 1.423 tỷ đồng; Tổng công ty Viglacera - CTCP (hợp nhất) đạt 1.743 tỷ đồng.

- Doanh thu: Công ty Mẹ đạt 5.579 tỷ đồng; Tổng công ty - CTCP (hợp nhất) đạt 14.437 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư XDCB của Công ty mẹ dự kiến đạt 1.850 tỷ đồng.

- Dự kiến chia cổ tức năm 2025 của Công ty Mẹ là 22%/năm.

Mục tiêu Kế hoạch 2025 của các chỉ tiêu lợi nhuận và doanh thu tổng quan có xét đến các yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến thị trường trong lĩnh vực vật liệu, chi phí nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng, đặc biệt giá nguyên vật liệu nhập khẩu và giá xăng dầu .

(Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong SXKD và đầu tư của từng lĩnh vực được trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng giám đốc điều hành tại Mục 4 Phần III của Báo cáo này).

3.2. Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị điều hành

1) Tập trung triển khai công tác thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng;

2) Triển khai Chiến lược tổng thể và Kế hoạch tái cơ cấu toàn diện trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty trên cơ sở phối hợp với Tư vấn chiến lược khảo sát đánh giá, xây dựng;

3) Tập trung công tác phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Tổ chức xây dựng mới chính sách phát triển thị trường, mô hình tổ chức, đào tạo, tuyển dụng đội ngũ bán hàng phù hợp với từng lĩnh vực sản phẩm của Tổng công ty;

4) Tiếp tục triển khai và hoàn thành thủ tục thành lập, góp vốn, tăng vốn tại các Công ty đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua; Triển khai các thủ tục để tăng tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG) nhằm đạt mức chi phối trở lên.

5) Vận hành sản xuất theo trên cơ sở đánh giá thị trường, đặt hàng của đơn vị thương mại/kinh doanh; Tập trung nghiên cứu lựa chọn các mẫu mã sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng; Phát huy hiệu quả sản phẩm kính siêu trắng, đá nung kết; Tập trung phát triển các dòng sản phẩm mới, đồng thời tập trung phát triển dòng sản phẩm thuộc phân khúc giá rẻ/ giá trung bình và hàng xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu;

6) Triển khai đúng Kế hoạch đầu tư phát triển của Tổng công ty, đảm bảo mục tiêu năm 2025 và định hướng phát triển lâu dài, bền vững của Tổng công ty;

7) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty.

8) Tiếp tục soát xét và thực hiện phân công, phân cấp, tự chịu trách nhiệm cuối cùng tới kết quả công việc được giao; Tiếp tục rà soát và sắp xếp lại Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số đơn vị cần tăng cường quản lý;

9) Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, các định mức kinh tế kỹ thuật, các hoạt động SXKD và đầu tư phát triển.

10) Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, công ty liên kết trong quý I/2025 và Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty-CTCP vào quý II/2025.

Năm 2025, Tổng công ty Viglacera – CTCP sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ công tác tái cơ cấu trong quản trị điều hành từ Công ty Mẹ tới các đơn vị trực thuộc để chủ động vượt qua các khó khăn thách thức, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện, kế hoạch 2025 sẽ tiếp tục được rà soát và linh hoạt điều chỉnh phù hợp với tình hình biến động của thị trường, đảm bảo bám sát thực tế đồng thời hạn chế được các rủi ro.

Dưới sự điều hành chủ động, linh hoạt của lãnh đạo Tổng công ty cùng với truyền thống đoàn kết, thống nhất ý chí của tập thể CBCNV từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, Tổng công ty Viglacera luôn tin tưởng sẽ tiếp tục hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2025, tạo tiền đề phát triển ổn định, bền vững cho giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	- Cá nhân: 0 CP - Đại diện cho cổ đông lớn CTCP hạ tầng GELEX (25,11%)	- TV HĐQT/ TGĐ CTCP Tập đoàn GELEX - CT HĐQT Công ty CP Điện lực GELEX
2	Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên	- Cá nhân: 0 CP - Đại diện cho Bộ Xây dựng (25,00%)	- GĐ Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera - CT HĐQT Công ty Vimariel-CTCP
3	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên độc lập	- Cá nhân: 0 CP	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn GELEX
4	Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	- Cá nhân: 0 CP - Đại diện cho cổ đông lớn CTCP hạ tầng GELEX (25,1%)	- Phó CT CTCP Tập đoàn GELEX. - CT HĐQT Công ty CP Hạ tầng GELEX - CT HĐQT Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn. - CT HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam. - TV HĐQT Công ty CP Điện lực GELEX
5	Bà Trần Thị Minh Loan	Thành viên	- Cá nhân: 0 CP - Đại diện cho Bộ Xây dựng (13,58%)	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a. Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera

Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera có vai trò tư vấn xây dựng chiến lược phát triển chung toàn Tổng công ty; Tư vấn khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản lý cụ thể theo từng chuyên đề, lĩnh vực, đơn vị; Tư vấn các vấn đề khác khi có nhu cầu.

Thành viên Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đinh Quang Huy	Chuyên gia cao cấp
2	Ông Nguyễn Trần Nam	Chuyên gia cao cấp (thôi từ 01/01/2025)
3	Ông Luyện Công Minh	Chuyên gia cao cấp

b. Ban Thư ký

Ban Thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Lập biên bản các cuộc họp; Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp; Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phục vụ công tác công bố thông tin của Tổng công ty.

Thành viên Ban Thư ký gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
	Ban Thư ký	
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGĐ Tổng công ty, Trưởng Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ
		(thôi nhiệm vụ từ ngày 01/7/2024)
2	Bà Ngô Thị Thu Linh	Thành viên (đến ngày 30/6/2024), Trưởng Ban Thư ký (từ ngày 01/7/2024)
3	Bà Cao Thị Nhung	Thành viên
4	Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Tình	Thành viên
6	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên (từ ngày 01/7/2024)
	Tổ quan hệ cổ đông	***(Thuộc Ban Thư ký)***
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Thư ký, Tổ trưởng (thôi nhiệm vụ từ ngày 01/7/2024)
2	Ông Ngô Trọng Toán	Tổ phó (đến ngày 30/6/2024), Tổ trưởng (từ ngày 01/7/2024)
3	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên (từ ngày 01/7/2024)

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Tổng công ty (nhiệm kỳ 2019 – 2024) triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt tại Nghị quyết số 02/TCT-NQĐHCĐ ngày 29/05/2024. Năm 2024, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức họp 17 cuộc họp (thường kỳ và bất thường), đồng thời thông qua với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT, qua đó ban hành 226 Biên bản họp, Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt, bao gồm các nội dung trọng tâm như sau:

1. Thông qua, giao Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024 của Tổng công ty, các đơn vị thành viên và triển khai công tác chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD;

2. Chỉ đạo triển khai và thực hiện công tác tăng/thoái vốn tại các Công ty cổ phần, góp vốn thành lập các công ty cổ phần mới theo lộ trình và kế hoạch đã đặt ra.

3. Thông qua và phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, lĩnh vực vật liệu của các đơn vị thành viên để triển khai theo kế hoạch; nội dung vay vốn của các dự án đầu tư....

4. Các nội dung điều hành khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành; các biên bản, nghị quyết, quyết định, văn bản phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị trong các mặt hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP đều đạt được sự thống nhất cao trong các thành viên Hội đồng quản trị, được tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty *(Danh sách biên bản/nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị công bố trong Báo cáo quản trị năm 2024).*

1.4. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Định kỳ họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và trao đổi mọi hoạt động của Tổng công ty. Đồng thời, theo phạm vi được phân công trong Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp chuyên đề cùng với Ban Tổng giám đốc, Ban điều hành trong các lĩnh vực hoạt động để xem xét đưa ra các định hướng, giải pháp triển khai thực hiện nhằm đạt mục tiêu, hiệu quả.

- Xem xét các báo cáo của Ban Kiểm soát, Phòng Kiểm soát nội bộ và các phòng ban chuyên môn của Tổng công ty để nắm bắt thông tin, đồng thời đưa ra các ý kiến tư vấn, chỉ đạo để tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro và cải thiện hệ thống báo cáo; Chỉ đạo, tư vấn việc lập kế hoạch và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ của Tổng công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị gồm Ban Thư ký và Hội đồng Nghiên cứu và phát triển. Theo đó, Ban Thư ký thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị nội dung và tham gia trực tiếp các cuộc họp của

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo đúng chức năng nhiệm vụ; Hội đồng Nghiên cứu và phát triển là các chuyên gia cao cấp, được Hội đồng quản trị tham vấn trực tiếp đối với từng chuyên gia trong từng công việc/lĩnh vực tham vấn.

1.6. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý khác và thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty, bao gồm: Nghiệp vụ kiểm toán nội bộ thực hành chuyên sâu; Cập nhật chính sách thuế; Lean six sigma; Các vấn đề pháp lý về hợp đồng lao động và nâng cao hiệu quả công việc; Quản trị chất lượng đồng bộ; Quản trị nhân sự; Quản trị rủi ro; Xây dựng mô thức lãnh đạo trong thời kỳ 4.0; Xây dựng môi trường làm việc và văn hóa Viglacera...

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Cơ cấu Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên ban kiểm soát, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Kiểm soát
1	Ông Trần Mạnh Hữu	Trưởng Ban
2	Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và các cuộc họp đột xuất liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty để nắm bắt tình hình SXKD, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các Phòng, Ban chức năng góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tổng công ty, hoạt động chủ yếu gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024. Giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty.

- Giám sát việc chấp hành thực hiện các quy chế, quy trình của Tổng công ty và các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2024.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2024 của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Phối hợp cùng Đơn vị kiểm toán triển khai kiểm toán nội bộ năm 2024 tại Công ty mẹ và một số Công ty thành viên.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các Công ty thành viên.

- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Trong năm, Ban kiểm soát đã chỉ đạo và tham gia cùng bộ phận kiểm toán nội bộ trong công tác thực hiện kiểm toán tại đơn vị thành viên, rà soát việc thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát năm trước tại đơn vị, đồng thời hoàn thiện công tác kiểm toán nội bộ gồm:

+ Xây dựng và ban hành quy trình kiểm toán nội bộ của Tổng công ty;

+ Đào tạo cho Bộ phận kiểm toán nội bộ Viglacera;

+ Hỗ trợ các đơn vị, phòng ban hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, quy trình hoạt động.

Một số kết quả đạt được trong công tác kiểm toán nội bộ năm 2024 như sau:

- Kiểm tra, kiểm soát và đưa ra kiến nghị trong các công tác quan trọng của các công ty đơn vị thành viên bao gồm: Công tác quản trị điều hành; Quản lý hàng tồn kho; Quản trị bán hàng; Quản lý công nợ; Công tác sản xuất; Công tác mua hàng; Công tác R&D.

- Đưa ra những kiến nghị cho các rủi ro tại đơn vị thành viên qua các đợt kiểm toán;

- Rà soát kiến nghị Ban kiểm soát năm 2023 của các đơn vị và có những kiến nghị rủi ro mới phát hiện;

Trong năm 2024, ngoài các cuộc họp thường kỳ (4 lần/năm), Ban kiểm soát cũng tổ chức các cuộc họp khác để thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của BKS, các vấn đề phát sinh cũng như trao đổi công tác chuyên môn, … với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát. Nội dung các cuộc họp thường kỳ của Ban kiểm soát năm 2024 cụ thể như sau:

TT	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	3/3	- Lập kế hoạch hoạt động năm 2024 - Thẩm định BCTC năm 2023 của Tổng công ty - Đánh giá hồ sơ các đơn vị kiểm toán độc lập, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty
2	3/3	- Thẩm định BCTC bán niên 2024 của Tổng công ty - Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2024
3	3/3	Đánh giá kết quả hoạt động quý 3/2024 và lập kế hoạch hoạt động quý 4/2024
4	3/3	Đánh giá kết quả hoạt động quý 4/2025 và lập kế hoạch hoạt động quý 1/2025

3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/TCT-NQĐHCĐ ngày 29/05/2024, cụ thể:

- Hội đồng quản trị (05 người) là 108 triệu đồng/người/tháng;

- Ban Kiểm soát (03 người):

+ Trưởng Ban: 92,67 triệu đồng/tháng;

+ Thành viên: 69,5 triệu đồng/tháng;

Tiền thưởng dự kiến của Người quản lý công ty bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành (Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) là 1,5 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện do Tổng công ty hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao. Thu nhập, quyền lợi khác và chi phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành thực hiện theo quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Trong năm 2024, không có phát sinh các giao dịch mua bán cổ phiếu của người nội bộ (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác do ĐHĐCĐ/HĐQT bổ nhiệm, Thư ký Tổng công ty, người phụ trách quản trị, người được ủy quyền công bố thông tin), cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng này.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm 2024 có phát sinh hợp đồng, giao dịch của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các đối tượng này với Tổng công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát (*chi tiết đã được Công bố thông tin theo thuyết minh số 42: Nghiệp vụ với các*

bên liên quan tại Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024 của Tổng công ty bao gồm: Các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ, Mua hàng, Góp vốn, Thù lao thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm…).

Các giao dịch này đã được phê duyệt về cơ bản theo đúng quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định phát luật khác có liên quan, quy định của Điều lệ Tổng công ty; đồng thời được công bố thông tin theo quy định. Quá trình thực hiện các giao dịch này không phát sinh vướng mắc hoặc gây ảnh hưởng đến lợi ích của Tổng công ty.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định, quy chế nội bộ của đơn vị (Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý đầu tư, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế lương, Quy chế quản lý người đại diện, Quy chế công bố thông tin, … .).

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán:

Đã được công bố tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và trên website của Tổng Công ty tại địa chỉ: http://www.viglacera.com.vn.

Trong đó:

2.1. Báo cáo tài chính riêng rút gọn (cho năm tài chính kết thúc 31/12/2024)

a. Bảng cân đối kế toán riêng

ĐVT: đồng

	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2024	01/01/2024
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**	**4.953.564.642.138**	**4.031.629.907.588**
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.616.691.651.304	629.829.300.389
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.585.000.000	5.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	616.250.616.341	670.439.521.250
IV.	Hàng tồn kho	140	2.376.988.512.156	2.386.185.486.325
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	338.048.862.338	340.175.599.624
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**	**11.792.826.015.616**	**11.224.402.991.090**
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	210.241.549.600	212.556.355.846
II.	Tài sản cố định	220	1.776.602.831.659	1.695.584.648.480
III.	Bất động sản đầu tư	230	1.901.555.076.954	1.929.302.845.643
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	4.480.750.229.069	3.928.295.860.608
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	3.305.894.747.155	3.312.672.742.259
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	117.781.581.179	145.990.538.254
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**16.746.390.657.755**	**15.256.032.898.678**

	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2024	01/01/2024
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**	**8.783.531.920.294**	**7.825.554.369.793**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**	**4.392.842.934.628**	**3.521.572.571.798**
II.	**Nợ dài hạn**	**330**	**4.390.688.985.666**	**4.303.981.797.995**
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**7.962.858.737.461**	**7.430.478.528.885**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**7.928.084.134.533**	**7.392.668.808.657**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.483.500.000.000	4.483.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	931.212.247.586	931.212.247.586
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	1.320.492.796.072	848.323.442.774
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.192.879.090.875	1.129.633.118.297
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**	34.774.602.928	37.809.720.228
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**16.746.390.657.755**	**15.256.032.898.678**

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

ĐVT: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	**3.935.427.558.116**	**5.337.067.530.618**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	2.051.870.812.658	3.119.428.938.610
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**1.883.556.745.458**	**2.217.638.592.008**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	167.778.181.732	330.769.115.472
7.	Chi phí tài chính	22	103.693.734.468	18.913.244.922
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	9.292.013.270	13.288.725.966
8.	Chi phí bán hàng	25	155.573.531.457	170.129.914.520
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	378.568.874.726	434.866.021.778
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**	**1.413.498.786.539**	**1.924.498.526.260**
11.	Thu nhập khác	31	81.314.539.784	34.308.538.825
12.	Chi phí khác	32	13.380.912.580	47.672.857.472
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**	**67.933.627.204**	**(13.364.318.647)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**1.481.432.413.743**	**1.911.134.207.613**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	286.274.396.739	336.694.960.266
16.	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	2.278.926.129	(3.543.870.950)
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**	**1.192.879.090.875**	**1.577.983.118.297**

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

ĐVT: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***1.481.432.413.743***	***1.911.134.207.613***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	899.701.430.728	1.826.384.706.289
	Các khoản dự phòng	03	62.426.803.278	69.356.430.810
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.632.866.385	(1.987.785.422)
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(166.180.217.582)	(325.742.632.432)
	Chi phí lãi vay	06	9.292.013.270	13.288.725.966
	Các khoản điều chỉnh khác	07	40.000.000.000	100.000.000.000
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***2.328.305.309.822***	***3.592.433.652.824***
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***2.993.895.912.830***	***2.396.404.832.077***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*(1.706.359.663.848)*	*(2.482.797.142.898)*

III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*(300.747.198.509)*	*(257.215.537.407)*
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	*50*	*986.789.050.473*	*(343.607.848.228)*
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	*60*	*629.829.300.389*	*971.319.796.063*
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	*61*	*73.300.442*	*2.117.352.554*
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	***70***	***1.616.691.651.304***	***629.829.300.389***

2.2. Báo cáo tài chính hợp nhất rút gọn (cho năm tài chính kết thúc 31/12/2024)

a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: đồng

	TÀI SẢN	**Mã số**	**31/12/2024**	**01/01/2024**
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**	**9.464.267.034.186**	**9.104.809.897.619**
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.860.122.610.379	1.841.653.234.658
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	433.382.669.069	626.586.849.988
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.080.575.112.080	1.117.328.239.029
IV.	Hàng tồn kho	140	4.375.950.687.848	4.739.829.320.287
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	714.235.954.810	779.412.253.657
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**	**15.363.151.893.952**	**14.995.380.193.665**
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	278.782.895.058	255.066.099.860
II.	Tài sản cố định	220	6.020.629.770.983	5.385.365.380.110
III.	Bất động sản đầu tư	230	1.914.237.254.178	1.942.422.317.951
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	6.093.932.875.606	6.229.377.004.740
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	365.094.718.370	438.307.587.498
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	690.474.379.757	744.841.803.507
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**24.827.418.928.138**	**24.100.190.091.285**

	NGUỒN VỐN	**Mã số**	**31/12/2024**	**01/01/2024**
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**	**14.874.419.272.735**	**14.575.872.174.590**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**	**8.746.167.408.966**	**8.337.206.229.771**
II.	**Nợ dài hạn**	**330**	**6.128.251.863.769**	**6.238.665.944.819**
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**9.952.999.655.403**	**9.524.317.916.695**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**9.918.225.052.475**	**9.486.508.196.467**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.483.500.000.000	4.483.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	929.867.056.019	929.867.056.019
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	17.162.355.346	17.162.355.346
4.	Cổ phiếu quỹ	415	(1.713.600)	(1.713.600)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(211.681.407.015)	(211.681.407.015)
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	27.034.728.326	6.457.877.936

	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2024	01/01/2024
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418	1.595.971.326.553	1.121.249.807.094
8.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	6.257.939.977	6.257.939.977
9.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.426.065.505.266	1.462.623.130.973
10.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	1.644.049.261.603	1.671.073.149.737
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**	**34.774.602.928**	**37.809.720.228**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**24.827.418.928.138**	**24.100.190.091.285**

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	**11.906.355.941.527**	**13.193.818.428.046**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	8.389.049.269.758	9.674.692.360.146
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**3.517.306.671.769**	**3.519.126.067.900**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	75.803.932.341	60.529.622.370
7.	Chi phí tài chính	22	310.363.905.667	380.885.840.494
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	268.896.807.699	348.457.380.117
8.	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	(74.769.120.822)	(36.392.135.098)
9.	Chi phí bán hàng	25	861.838.342.910	812.377.184.581
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	744.493.344.308	756.017.100.394
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**	**1.601.645.890.403**	**1.593.983.429.703**
12.	Thu nhập khác	31	123.961.456.138	72.067.424.203
13.	Chi phí khác	32	95.281.696.431	64.112.316.489
14.	**Lợi nhuận/(lỗ) khác**	**40**	**28.679.759.707**	**7.955.107.714**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**1.630.325.650.110**	**1.601.938.537.417**
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	411.948.856.891	425.202.407.709
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30.758.200.639	14.496.988.030
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**	**1.187.618.592.580**	**1.162.239.141.678**
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	1.104.734.866.668	1.218.120.252.933
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	82.883.725.912	(55.881.111.255)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.464	2.489

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

ĐVT: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	*01*	1.630.325.650.110	1.601.938.537.417
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.950.910.301.692	3.055.915.719.293
	Các khoản dự phòng	03	(69.242.290.687)	68.804.526.540
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.527.098.754	(3.418.860.277)
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	20.742.681.106	(12.256.413.073)
	Chi phí lãi vay	06	268.896.807.699	348.457.380.117
	Các khoản điều chỉnh khác	07	40.000.000.000	100.000.000.000
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	*08*	***3.847.160.248.674***	***5.159.440.890.017***
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	**4.295.661.870.890**	**2.703.674.972.523**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	(2.289.166.238.060)	(3.765.684.615.038)
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	**(991.867.923.631)**	**881.622.727.281**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	*50*	1.014.627.709.199	(180.386.915.234)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	*60*	1.841.653.234.658	2.018.744.609.826
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	*61*	3.841.666.522	3.298.790.066
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	*70*	**2.860.122.610.379**	**1.841.656.484.658**

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA CTCP

KT/TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Minh Loan